

MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
ĐẶT VẤN ĐỀ	1
1. Mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023	1
2. Những căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất	2
PHẦN I	5
KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI	5
1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên môi trường	5
1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội năm 2022	7
1.3. Đánh giá chung	11
PHẦN II	13
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022	13
2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	13
2.2. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022	21
2.3. Đánh giá kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2022	22
2.4. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022	24
PHẦN III	27
LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023	27
3.1. Nhu cầu sử dụng đất năm kế hoạch 2023	27
3.2. Chỉ tiêu sử dụng đất	27
3.3. Tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đăk Mil phân theo đơn vị hành chính	37
3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích	40
3.5. Diện tích đất cần thu hồi	41
3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng	46
PHẦN THỨ BA	57
CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	57
3.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường	57
3.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất	57
3.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng đất	57
3.2. Các giải pháp về quản lý hành chính	59
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	60
I. KẾT LUẬN	60
II. KIẾN NGHỊ	60

ĐẶT VẤN ĐỀ

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là cơ sở để Nhà nước quản lý thống nhất toàn bộ đất đai theo hiến pháp và pháp luật, đảm bảo đất đai được sử dụng tiết kiệm, hợp lý và có hiệu quả cao nhất.

Đề cụ thể hóa quy hoạch, việc lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm có vai trò rất quan trọng, là căn cứ để giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất để đầu tư xây dựng công trình dự án phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng.

Nội dung lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện là một điểm mới trong Luật Đất đai năm 2013 nhằm cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các cấp; khả năng đầu tư, huy động nguồn lực để thực hiện; từ đó xác định diện tích các loại đất cần phải thu hồi để thực hiện công trình, dự án trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

Vì vậy, để tiết kiệm, sử dụng hiệu quả quỹ đất, tránh việc giao đất, cho thuê đất không phù hợp quy hoạch; mua bán chuyển nhượng dự án đầu tư hoặc giao đất, cho thuê đất đối với các nhà đầu tư có năng lực tài chính hạn chế... dẫn đến bỏ hoang đất đai, đất đai bị lấn chiếm, đất đai bị sử dụng sai mục đích, việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đắk Mil là hành lang pháp lý cho công tác giao đất, cho thuê đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật đất đai và là một nội dung bắt buộc trong quá trình quản lý, sử dụng đất của huyện Đắk Mil.

Thực hiện theo Luật đất đai và các nghị định thi hành; Căn cứ các nhu cầu sử dụng đất tại địa bàn huyện Đắk Mil của các ngành, đơn vị, tổ chức, cá nhân; UBND huyện đã tiến hành lập: “*Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông*”.

1. Mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ của việc lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023

1.1. Mục đích

- Thực hiện có hiệu quả Quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch các ngành nghề khác của huyện Đắk Mil.

- Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước, tìm ra những tồn tại, nguyên nhân của việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm trước.

- Xây dựng kế hoạch sử dụng đất năm 2023 để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Làm cơ sở pháp lý quan trọng để giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đấu giá quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,...

- Góp phần quan trọng trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế, thu hút đầu tư, xây dựng các hạ tầng kỹ thuật, kinh tế - xã hội, ổn định và phát triển các khu dân cư đô thị, nông thôn, các khu dịch vụ, du lịch, các khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, các vùng chuyên canh sản xuất nông nghiệp, tăng nguồn thu ngân sách từ đất đai.

- Chủ động, ổn định điều kiện sống, sản xuất cho các đối tượng bị thu hồi đất.

1.2. Yêu cầu

- Xác định nhu cầu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã gồm:

+ Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm trước chưa thực hiện hết nhưng phải phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện;

+ Nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn cấp huyện.

- Tổng hợp nhu cầu sử dụng đất, cân đối xác định các chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực trong năm kế hoạch và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định diện tích các loại đất cần chuyển mục đích quy định tại các điểm a, b, c, d và e Khoản 1 Điều 57 của Luật Đất đai trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch đến từng đơn vị hành chính cấp xã.

- Xác định quy mô, địa điểm công trình, dự án; vị trí, diện tích khu vực sử dụng đất vào các mục đích quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai để thực hiện thu hồi đất trong năm kế hoạch, bao gồm:

+ Các dự án quy định tại Điều 61 và Khoản 1, 2, Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch;

+ Các dự án quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai và đã được ghi vốn thực hiện trong năm kế hoạch đối với các dự án thực hiện bằng ngân sách nhà nước; có văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các dự án còn lại;

1.3. Nhiệm vụ

- Xác định hướng phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở đánh giá các điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, các lợi thế và hạn chế của địa phương làm cơ sở đề xuất phương án sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023;

- Xác định nguồn lực và khả năng huy động các nguồn lực cho việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

- Xác định tiến độ và các giải pháp thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

1.4. Phạm vi lập kế hoạch

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, được lập trong phạm vi trong địa giới hành chính của huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

2. Những căn cứ pháp lý và cơ sở lập kế hoạch sử dụng đất

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP, ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;
- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các văn bản pháp luật hiện hành;
- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật đất đai;
- Nghị quyết số 07/NQ-HĐND, ngày 27/4/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;
- Nghị quyết số 186/NQ-HĐND, ngày 15/12/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông thông qua Danh mục các dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022;
- Nghị quyết số 08/NQ-HĐND, ngày 05/05/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông điều chỉnh tên dự án cần thu hồi đất và bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022;
- Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh về danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển KT-XH vì lợi ích quốc gia công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2023;
- Quyết định số 1731/QĐ-UBND, ngày 18/11/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2020-2024;
- Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Đắk Mil;
- Quyết định số 1030/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Mil.
- Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 16/12/2022 của UBND huyện Đắk Mil về phê duyệt dự toán kinh phí lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông;

- Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc quy định hệ số (K) năm 2022 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Chương trình số 46-CTr/TU ngày 22/9/2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Công văn số 357/UBND –NN ngày 29/08/2018 về việc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cho mục đích đất tôn giáo;

- Công văn số 12088/UBND CTN ngày 18/03/2020 về việc tăng cường công tác quản lý, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cơ sở tôn giáo trên địa bàn tỉnh;

- Quyết định số 14/2018 QĐ-UBND ngày 22/05/2018 về việc quy định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3. Cơ sở thông tin, tư liệu, bản đồ

- Kết quả kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 huyện Đắk Mil và các xã, thị trấn;

- Kết quả thống kê đất đai năm 2021 huyện Đắk Mil và các xã, thị trấn;

- Bản đồ đo đạc địa chính chính quy tỉ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000 của các xã, thị trấn trên địa bàn huyện;

- Báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết HĐND huyện về phát triển KT-XH, bảo đảm QP-AN năm 2022 và phương hướng, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2023

- Báo cáo, văn bản đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2023 của các tổ chức, các phòng ban chuyên môn của huyện và UBND các xã, thị trấn và các đơn vị sử dụng đất liên quan trên địa bàn huyện Đắk Mil.

- Các số liệu điều tra cơ bản, các dự án đầu tư, các văn bản pháp lý có liên quan.

- Niên giám thống kê của huyện các năm 2020, 2021.

PHẦN I

KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ XÃ HỘI

1.1. Khái quát điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên môi trường

1.1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Đắk Mil nằm về phía Bắc tỉnh Đắk Nông, cách trung tâm tỉnh Đắk Nông (Thành phố Gia Nghĩa) 66 km về phía Bắc theo Quốc lộ 14; có tổng diện tích tự nhiên 67.901,69 ha, có 10 đơn vị hành chính (9 xã, 1 thị trấn) với 125 thôn, bon, bản, tổ dân phố; dân số trung bình 101.500 người, với 19 dân tộc, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 20.794 người, chiếm 20,8% dân số toàn huyện. Có trên 60.000 tín đồ tôn giáo, chiếm khoảng 60% dân số toàn huyện.

1.1.1.2. Địa hình, địa mạo

Khu vực phía Tây nam của huyện có độ cao trung bình từ 700-800m, phía Bắc từ 400-600m so với mực nước biển. Phần lớn địa hình có dạng đồi lượn sóng nối liền nhau bị chia cắt bởi nhiều sông suối nhỏ và các hợp thủy, xen kẽ là các thung lũng nhỏ, bằng, thấp.

1.1.1.3. Khí hậu, thời tiết

Huyện Đắk Mil là một khu vực chuyển tiếp giữa 2 tiểu vùng khí hậu Đắk Lắk và Đắk Nông, chế độ khí hậu của khu vực mang đặc điểm chung của khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, nhưng có sự nâng lên của địa hình nên có đặc điểm rất đặc trưng của khí hậu nhiệt đới gió mùa cao nguyên, mỗi năm có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 4 đến hết tháng 10 tập trung trên 90% lượng mưa cả năm; mùa khô từ tháng 11 đến hết tháng 3 năm sau, lượng mưa không đáng kể. Ở vùng trung tâm huyện Đắk Mil kéo dài lên phía Bắc (địa phận huyện Cư Jút lượng mưa bình quân năm giao động từ 1.550mm đến 1.750mm.

1.1.1.4. Thủy văn

Mùa lũ bắt đầu từ tháng 7 đến tháng 11, các tháng xuất hiện lũ lớn là tháng 9, 10, 11. Mùa cạn từ tháng 2 đến tháng 4, tháng kiệt nhất là tháng 3 và tháng 4.

Các đặc trưng dòng chảy đạt cao nhất thường gấp hơn 30 lần nhỏ nhất, chứng tỏ khả năng tập trung cũng như tiêu hao nước rất nhanh của khu vực này. Mật độ sông suối trung bình, nhưng Môduyn dòng chảy trung bình năm của toàn lưu vực >30 l/s.km², chế độ dòng chảy trong năm tương đối điều hoà chứng tỏ một trong các lưu vực còn giữ được thảm phủ. Với chế độ thủy văn như vậy nên cần có biện pháp thủy lợi thích hợp giữ lấy nguồn nước mặt cho mùa khô. Mật độ sông suối bình quân 0,35-0,4 km/km², các suối chính trên địa bàn huyện Đắk Mil phần lớn chảy theo hướng Nam - Bắc rồi đổ vào sông Srêpôk. Có 2 lưu vực suối lớn là suối Đắk Dam và suối Đắk Sôr, đường quốc lộ 14 gần như là đường phân thủy của 2 lưu vực suối này.

- Suối Đắk Đăm chảy dọc từ phía Nam lên phía Bắc theo biên giới phía Tây huyện (biên giới 2 nước Việt Nam - Campuchia), tuy nhiên nguồn nước này hầu như

không khai thác sử dụng cho phát triển kinh tế xã hội của huyện, do là dòng suối làm biên giới quốc gia và đất đai chủ yếu là rừng tự nhiên nên ít tác động đến dòng suối này.

- Suối Đăk Sôr là dòng suối chảy ở ranh giới phía Đông giáp với huyện Krông Nô, lưu vực nằm về phía Nam quốc lộ 14, suối Đăk Sôr do các suối Đăk Môt, Đăk Săk, Đăk R'La hợp thành, phần lớn đất sản xuất của huyện nằm trên lưu vực suối Đăk Sôr, ở đầu nguồn đã xây dựng nhiều hồ đập tưới cho cây trồng như hồ núi lửa, Hồ Tây, Hồ Đăk Môt, Đăk Săk,...đây là dòng suối cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp của huyện.

1.1.2. Các nguồn tài nguyên

1.1.2.1. Tài nguyên đất

Căn cứ vào bản đồ đất tỉnh Đắk Nông tỷ lệ 1/100.000 cho thấy trên địa bàn huyện Đắk Mil gồm 05 nhóm đất chính với 11 chú dẫn đơn vị bản đồ đất theo hệ thống phân loại của FAO/WRB.

Biểu 01: Phân loại và quy mô các nhóm, loại đất huyện Đắk Mil

Stt	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN TOÀN HUYỆN			67.901,69	100,00
I	NHÓM ĐẤT THUNG LŨNG	D	528,99	0,78
1	Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ	D	528,99	0,78
II	NHÓM ĐẤT ĐỎ VÀNG	F	40.102,44	59,06
2	Đất nâu đỏ trên đá macma bazơ và trung tính	Fk	28.254,48	41,61
3	Đất nâu vàng trên đá macma bazơ và trung tính	Fu	9.304,55	13,70
4	Đất đỏ vàng trên đá sét và đá biến chất	Fs	1.516,56	2,23
5	Đất vàng đỏ trên đá macma acid	Fa	1.026,85	1,51
III	NHÓM ĐẤT PHÙ SA	P	693,9	1,02
6	Đất phù sa	Py	693,9	1,02
IV	NHÓM ĐẤT ĐEN	R	20.092,22	29,59
7	Đất đen trên sản phẩm bồi tụ của bazan	Rk	6.000,44	8,84
8	Đất nâu thẫm trên sản phẩm đá bọt, ba zan	Ru	14.091,78	20,75
V	NHÓM ĐẤT XÁM	X	4.715,46	6,94
9	Đất xám trên macma acid	Xa	1.153,46	1,70
10	Đất xám trên đá cát	Xq	2.716,86	4,00
11	Đất xám trên nền phù sa cổ	X	845,14	1,24
VI	MẶT NƯỚC, SÔNG SUỐI, AO HỒ		1.768,68	2,60

* Nguồn: Kết quả điều tra thành lập bản đồ đất tỉnh Đắk Nông năm 2005- Viện QH và Thiết kế Nông nghiệp.

Kết quả tại bảng trên cho thấy trong 05 nhóm đất tại huyện nhóm đất đỏ vàng chiếm diện tích lớn nhất với khoảng 59,06% DTTN, kế đến là nhóm đất đen với khoảng 30% DTTN, nhóm đất xám với khoảng 6,94% DTTN, nhóm đất phù sa với khoảng 1,02% DTTN, các nhóm đất dốc tụ là 0,78% DTTN và diện tích mặt nước

chiếm khoảng 1,36%.

1.1.2.2. Tài nguyên nước

a. Nguồn nước mặt:

- Nguồn nước mặt bao gồm sông suối và các hồ chứa nước, tuy nhiên do đặc điểm địa hình nguồn nước mặt trên địa bàn phân bố không đều: Khu vực phía Nam và Tây Nam huyện có nguồn nước khá phong phú của hệ thống sông suối và hồ đập với 41 công trình đã xây dựng; Khu vực phía Bắc và Đông Bắc nguồn nước ít hơn, khu vực này mật độ sông suối thấp, hệ thống hồ đập ít vì vậy thường thiếu nước vào mùa khô làm ảnh hưởng đến cây trồng.

b. Nguồn nước ngầm:

- Khả năng khai thác nước dưới đất ở các vùng như sau: Vùng Thuận An, Đức Minh, Đức Mạnh, Đắk Lao, Đắk Sắk nước dưới đất khá phong phú có thể khai thác nước tập trung năng suất ở mỗi vùng từ 1.500 - 3.000m³/ngày; Vùng Đắk Gằn nước ngầm khan hiếm tại các vùng này có khả năng khai thác khoảng 1.000 - 1500m³/ngày.

1.1.2.3. Tài nguyên rừng

- Theo thống kê hiện trạng sử dụng đất năm 2022, diện tích đất lâm nghiệp của huyện có 19.937,50 ha. Trong đó: Rừng phòng hộ có 2.408,71 ha và rừng sản xuất có 17.528,79 ha (trong đó đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên 17.419,05ha). Rừng tự nhiên ở Đắk Mil đa phần là rừng thứ sinh với rất ít loài thuộc loại gỗ quý hiếm; Rừng trồng chủ yếu là rừng keo nguyên liệu,... Độ che phủ đạt khoảng 33,37%.

1.1.2.4. Tài nguyên khoáng sản

Kết quả điều tra thăm dò quy hoạch khai thác khoáng sản trên địa bàn huyện Đắk Mil có các loại chính là đá Bazan, ngoài ra qua tìm kiếm bước đầu đã phát hiện trên địa bàn xã Đắk Lao có mỏ đá quý (Opal) với địa tầng chứa quặng tồn tại trong tầng bazan, đang tiến hành thăm dò tìm kiếm và đánh giá sơ bộ về trữ lượng; than bùn có ở xã Thuận An, trữ lượng không đáng kể.

1.1.2.5. Tài nguyên nhân văn và du lịch

Với 20 dân tộc sinh sống, có nguồn gốc từ nhiều tỉnh trong cả nước đến sinh sống lập nghiệp mang theo các phong tục tập quán phong phú từ các vùng, miền đã hình thành nên nét văn hoá đa dạng.

Trên địa bàn huyện có nhiều khả năng để phát triển du lịch; có nhiều hồ thủy lợi kết hợp cảnh quan và nhiều cảnh quan rừng tự nhiên còn khá phong phú có thể xây dựng và phát triển thành các khu du lịch hấp dẫn.

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội năm 2022

Năm 2022 trên địa bàn huyện Đắk Mil kinh tế tăng trưởng ổn định và đạt kế hoạch đề ra. Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, áp lực lạm phát, rủi ro thu hẹp thị trường gia tăng do đứt gãy chuỗi cung ứng, giá vật tư nông nghiệp tăng, giá nhiên liệu thiết yếu có nhiều biến động gây ảnh hưởng đến ngành dịch vụ nhất là đối với dịch vụ vận chuyển. Nhưng với sự lãnh đạo, điều hành linh hoạt, có hiệu quả của cấp ủy, chính quyền và sự quyết tâm cao của các phòng, ban chuyên

môn, UBND các xã, thị trấn và toàn thể nhân dân trong huyện nền kinh tế của huyện tăng trưởng khá và đạt các chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

1.2.1. Lĩnh vực kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế GRDP (theo giá cố định 2010): 9,41%. Nông, lâm nghiệp và thủy sản 3%; Công nghiệp – xây dựng 12%; Thương mại – dịch vụ 12%.

- Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành): Nông, lâm, thủy sản chiếm 34,48%; công nghiệp, xây dựng chiếm 22,38%; thương mại, dịch vụ chiếm 43,14%.

- Tổng giá trị sản phẩm 13.950 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người/GRDP 67,9 triệu đồng.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội và thu ngân sách nhà nước: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội: 2.452,74 tỷ đồng; Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện: 315,241 tỷ đồng.

- Hạ tầng kỹ thuật – môi trường: Tỷ lệ nhựa hoá, bê tông hoá đường huyện 75%, đường xã 95%, đường đô thị 86%, đường thôn 85%; Đảm bảo nguồn nước cho 82% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới; Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch 81%; Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch 96,8%; Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom xử lý 97,5%; Tỷ lệ chất thải rắn ở nông thôn được thu gom xử lý 55% ; Tỷ lệ hộ được sử dụng điện 99,1%. Độ che phủ rừng 33,37%.

- Dân số trung bình 103.700 người, tốc độ tăng dân số tự nhiên 1,15%. Có 19,38 giường bệnh/vạn dân; Có 7,81 bác sĩ/ vạn dân; Xã đạt tiêu chuẩn quốc gia về y tế đạt 100%; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng 17%; Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

- Lao động và việc làm: Số lao động được tạo việc làm 4.518 người; đào tạo nghề: 2.278 người; Tỷ lệ lao động qua đào tạo 40,5%; Giảm tỷ lệ hộ nghèo thêm 0,32% theo chuẩn mới.

- Tỷ lệ trẻ 05 tuổi đi học mẫu giáo 99,4%; Số trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia 01 trường; Tỷ lệ học sinh đi học: THPT 76,5%; THCS 97,5%; TH 99,6%.

- Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu văn hoá 83,6%; Tỷ lệ thôn, bon, tổ dân phố văn hoá 96,15%; Tỷ lệ xã, thị trấn văn hoá 80%. Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt danh hiệu văn hoá 96,5%.

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế, lĩnh vực

1.2.2.1. Khu vực kinh tế Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Trồng trọt: Tổng diện tích gieo trồng đạt 49.729 ha theo kế hoạch là 49.691 ha, đạt 100,10% so với kế hoạch và bằng 99,2% so với năm 2021. Trong đó, diện tích trồng cây hàng năm là 16.395 ha theo kế hoạch là 17.461 ha, đạt 94% so với kế hoạch, bằng 88,4% so với năm 2021, do giảm diện tích trồng cây hàng năm. Diện tích gieo trồng cây lâu năm là 33.334 ha theo kế hoạch là 32.230 ha, đạt 103,42% kế hoạch và bằng 105,5% so với năm 2021 do tăng diện tích cây lâu năm, cây ăn quả trồng xen trong vườn cà phê. Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 59.203 tấn bằng 92,60% so với kế hoạch đề ra.

- Chăn nuôi – thú y: Chăn nuôi tiếp tục phát triển, tổng đàn gia súc, gia cầm phát triển mạnh theo quy mô trang trại. Trên toàn huyện có 33 trang trại chăn nuôi

gia súc gia cầm, tăng 05 trang trại so với năm 2021, tổng đàn gia súc, gia cầm có khoảng 774.800 con/KH 665.871 con, đạt 116,35% kế hoạch và bằng 156,43% so với năm trước; sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 5.504 tấn. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, UBND các xã, thị trấn chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch kịp thời, kiểm soát không để lây lan dịch bệnh trên gia súc, gia cầm.

- Trên địa bàn huyện có 11 sản phẩm OCOP được UBND tỉnh Đắk Nông cấp chứng nhận sản phẩm OCOP (có 10 sản phẩm đạt 3 sao, 01 sản phẩm đạt 4 sao), riêng trong năm 2022 có 01 sản phẩm OCOP (sản phẩm sầu riêng tươi của tổ hợp tác Đức Mạnh) được tỉnh đánh giá, xếp hạng 3 sao.

- Về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đã được UBND tỉnh Đắk Nông đã công nhận vùng sản xuất cà phê ứng dụng công nghệ cao xã Thuận An, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, quy mô 335ha, với 01 tổ chức (Hợp tác xã Nông nghiệp Công Bằng Thuận An) và 186 hộ nông dân tham gia.

- Trên địa bàn huyện có 29 Hợp tác xã, bao gồm 24 Hợp tác xã nông, lâm nghiệp và 05 Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ khác; 24 Tổ hợp tác trồng trọt, dịch vụ. Để củng cố và phát huy vai trò của Hợp tác xã trong sản xuất và nâng cao đời sống cho xã viên, góp phần vào xây dựng nông thôn mới; các cơ quan chuyên môn đang rà soát, phân loại để giải thể hoặc sát nhập nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã, trong năm 2022 giải thể được 01 HTX.

- *Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng*: Công tác bảo vệ rừng được chú trọng, thường xuyên tổ chức tuần tra, kiểm soát, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trái với các quy định của Pháp luật. Trong năm 2022 trên địa bàn huyện không xảy ra phá rừng trái pháp luật. Công tác phát triển rừng trên địa bàn huyện năm 2022 trồng được là 22,562ha; Trong đó diện tích trồng rừng lập trung là 16,682ha; diện tích trồng cây phân tán là 5,880ha.

1.2.2.2. Công nghiệp, xây dựng

Năm 2022, sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện tăng trưởng ổn định, hầu hết các doanh nghiệp đã có kế hoạch, phương án sản xuất thích ứng, an toàn linh hoạt trong tình hình mới; Các ngành công nghiệp: Khai thác chế biến đá, mộc dân dụng, cơ khí, chế biến nông, lâm sản, gạch không nung... duy trì mức tăng trưởng ổn định, đóng vai trò quan trọng vào tăng trưởng chung, góp phần vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng. Tổng giá trị gia tăng ngành công nghiệp - xây dựng (theo giá cố định năm 2010) ước đạt 1.286 tỷ đồng, tăng 12,42% so với cùng kỳ năm ngoái.

Công tác lập Quy hoạch chung đô thị Đắk Mil đến năm 2035 cơ bản đã hoàn thành. Trong năm 2022 đã cấp được 250 giấy phép xây dựng nhà ở và các công trình khác cho các hộ gia đình trên địa bàn quy hoạch đô thị Đắk Mil (tăng 20% so với cùng kỳ năm 2021).

- Hạ tầng giao thông từng bước được đầu tư xây dựng, những công trình giao thông trọng điểm của huyện, các tuyến đường đô thị, các trục đường nội tổ dân phố, các trục đường xã, thôn bon,...được đầu tư, nâng cấp sửa chữa, cùng với việc thực hiện chương trình nông thôn mới đã góp phần nâng cao tỷ lệ nhựa hoá đường huyện,

đường xã và đường thôn, bon.

1.2.2.3. Thương mại dịch vụ

Trong năm 2022, nhu cầu mua sắm và sử dụng các dịch vụ của người dân tăng cao, hàng hoá lưu thông, thông suốt, đảm bảo đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trên địa bàn huyện; Giá mặt hàng nông sản hồ tiêu, cà phê có bước chuyển biến tích cực; Hoạt động lưu trú, ăn uống, tăng cao trong dịp lễ, tết. Tình hình giá cả ở hầu hết các mặt hàng đều đang có xu hướng tăng do chịu sức ép tăng giá cùng với giá xăng dầu, gas và vật liệu xây dựng tăng. UBND huyện đã kịp thời chỉ đạo các đơn vị chức năng thường xuyên phối hợp, kiểm tra, nắm bắt tình hình thị trường hàng hoá; Đến nay lượng cung hàng hóa vẫn đáp đủ nhu cầu phục vụ của người dân, chưa phát hiện tình trạng đầu cơ, găm hàng, tăng giá.

Tổng giá trị gia tăng ngành thương mại và dịch vụ (theo giá cố định năm 2010) đạt 2.135 tỷ đồng (KH 2.135 tỷ đồng), tăng 11,2% so với cùng kỳ. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ năm 2021 trên địa bàn huyện đạt 5.280 tỷ đồng, tăng 8,3% so với cùng kỳ.

Trong năm, UBND huyện đã phối hợp với các sở, ngành hỗ trợ, hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX, hộ kinh doanh đăng ký, tham gia các hội chợ, xúc tiến tiêu thụ sản phẩm, hỗ trợ máy móc, thiết bị trong sản xuất, chế biến cà phê, gỗ. Khuyến khích các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng trên địa bàn huyện tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, người dân tiếp cận nguồn vốn vay tín dụng ưu đãi để phục hồi và phát triển sản xuất kinh doanh. Tổng huy động năm 2022 khoảng 1.740 tỷ đồng, tăng bình quân 7,4% so với năm 2021; tổng dư nợ cho vay năm 2022 khoảng 4,420 tỷ đồng.

1.2.3. Công tác quản lý và sử dụng đất đai

- Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất:

+ Hoàn thành lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông; Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Triển khai công tác lập kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông sau khi UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất tại Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/12/2022.

- Công tác đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (viết tắt Giấy chứng nhận):

+ Trong năm 2022, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Đắk Mil đã tiếp nhận 3.356 hồ sơ đo đạc, hồ sơ tồn năm 2021 chuyển qua là 45 hồ sơ, đã giải quyết 3.369 hồ sơ, không có hồ sơ giải quyết quá hạn, 32 hồ sơ đang xử lý.

+ Công tác cấp GCNQSD đất lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân: Tiếp nhận là 314 hộ, diện tích là 280,7ha; hồ sơ tồn năm 2021 chuyển qua là 190 hồ sơ với diện tích là 26,4ha; tham mưu UBND huyện cấp Giấy chứng nhận cho 451 hồ sơ với 490 Giấy CNQSD đất, diện tích là 261,4ha; còn lại 53 hồ sơ trong thời hạn xử lý.

- Công tác giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất
+ Công tác thu hồi đất: Thu hồi 119.629,55m² đất của 83 hộ gia đình, cá nhân xây dựng công trình phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn huyện. Thông báo thu hồi đất và phê duyệt Kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm phục vụ công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, GPMB là 05 công trình.

+ Công tác chuyển mục đích sử dụng đất phải xin phép: Tiếp nhận 508 hồ sơ, hồ sơ tồn năm 2021 chuyển qua là 30 hồ sơ, đã giải quyết 519 hồ sơ đúng hẹn, 19 hồ sơ đang xử lý.

+ Công tác giao đất: Giao đất 248m² đất ở đô thị cho 02 hộ gia đình, cá nhân được hỗ trợ tái định cư để xây dựng công trình nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil (đường Lý Thường Kiệt). Hoàn thành công tác giao đất, giao rừng theo kế hoạch UBND tỉnh giao.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng xây dựng 4 công trình với tổng số tiền 13.841.988.000 đồng. Cụ thể: Sửa chữa, nâng cấp đường Nguyễn Tri Phương và đường Hai Bà Trưng (đợt 2) với kinh phí bồi thường là 358.024.000 đồng; Nâng cấp các trục đường giao thông chính thị trấn Đắk Mil (đường Lý Thường Kiệt đợt 5, 6) với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ 1.233.468.000 đồng; Bãi rác xã Đắk Gằn với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ 772.159.000 đồng; Hồ Đắk Klo Ou, xã Đắk Lao với tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 11.478.337.000 (đợt 1, 2).

1.2.4. Dân số, lao động và việc làm

Theo kết quả điều tra xã hội hiện nay, dân số huyện có 103.700 người. Số lao động được tạo việc làm 4.518 người; đào tạo nghề: 2.278 người; Tỷ lệ lao động qua đào tạo 41%.

1.2.5. An ninh – Quốc phòng

Thường xuyên quán triệt, nắm vững đường lối quốc phòng – quân sự của Đảng, Nhà nước; chăm lo xây dựng các tiềm lực quân sự, quốc phòng vững mạnh. Thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, giáo dục kiểm thức quốc phòng – an ninh cho các đối tượng, qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới.

Tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, các chương trình Quốc gia phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy.

1.3. Đánh giá chung

1.3.1. Thuận lợi

- Vị trí địa lý khá thuận lợi, huyện Đắk Mil nằm trên trục quốc lộ 14 giữa với thành phố Buon Ma Thuột, Thành phố Gia Nghĩa, có mạng lưới giao thông khá phát triển và đã được đầu tư nhựa hóa với tỷ lệ khá cao so với các huyện lân cận.

- Nhìn chung kinh tế huyện đã có bước phát triển nhất định, quy mô từng bước được mở rộng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được chú trọng đầu tư đúng mục, đặc biệt là hệ thống giao thông, điện,

nước, trường học, bệnh viện,... đang được tiếp tục quan tâm, từng bước đưa nông thôn phát triển theo hướng Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa, đời sống đại bộ phận dân cư tăng lên rõ rệt, bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới.

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Đăk Mil đã đạt được một số kết quả nhất định; tiến độ thu ngân sách cơ bản bám sát theo kế hoạch đề ra; công tác thu hút đầu tư được đẩy mạnh; công tác thông tin, tuyên truyền, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao được triển khai sâu rộng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; các lễ hội, giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn được quan tâm bảo tồn, phát huy; công tác chăm lo, giải quyết chế độ cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số được thực hiện kịp thời; chất lượng công tác giáo dục và đào tạo, chăm sóc sức khỏe Nhân dân ngày càng được nâng cao; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định; công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện đảm bảo đúng quy định.

1.3.2. Hạn chế

- Kinh tế phát triển khá nhưng chưa vững chắc. Nền kinh tế của huyện chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết. Thực hiện tái cơ cấu ngành còn chậm. Tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp tuy có bước phát triển khá nhưng chưa đạt được mục tiêu đề ra. Phát triển kinh tế tập thể còn khó khăn, chưa có nhiều hợp tác xã thực hiện hiệu quả.

- Phát triển ngành công nghiệp gặp nhiều khó khăn, cơ sở sản xuất công nghiệp tăng chậm, quy mô sản xuất nhỏ, chất lượng một số sản phẩm chưa đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Hoạt động xúc tiến thương mại còn hạn chế, phát triển du lịch chưa tương xứng với tiềm năng; thương mại, dịch vụ còn nhỏ lẻ. Các dự án kêu gọi đầu tư triển khai chậm, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của huyện.

- Công tác quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất đai còn bất cập; quản lý đất đai, có nơi chưa chặt chẽ. Tình trạng lấn chiếm, chuyển mục đích sử dụng, làm nhà ở trái phép trên đất nông nghiệp còn xảy ra. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đo đạc chỉnh lý biến động đất đai vẫn còn thiếu sót, một số trường hợp gây bức xúc trong Nhân dân. Quản lý tài nguyên nước, bảo vệ môi trường một số nơi chưa chặt chẽ; một số cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nhưng xử lý chưa triệt để, còn để kéo dài.

PHẦN II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022

2.1. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

Căn cứ kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đắk Mil đã được phê duyệt tại Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Đắk Nông. Trên cơ sở kết quả thực hiện đến ngày 30/4/2023, kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

Bảng 1: Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Mã	Hiện trạng đến 31/12/2021 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022		Hiện trạng sử dụng đất năm 2022		
				Kế hoạch 2022 được duyệt (ha)	Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Diện tích (ha)	So sánh	
							Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(4)	(8)=(7)/(5)*100
	Tổng diện tích tự nhiên = (1+2+3)		67.901,69	67.901,69		67.901,69		
1	Đất nông nghiệp	NNP	63.335,95	62.782,91	-553,04	63.320,42	(15,53)	2,81
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.128,04	1.117,84	-10,20	1.128,04		
	Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước	LUC	711,95	709,50	-2,45	711,95		
-	Đất trồng lúa còn lại	LUK	416,09	408,34	-7,75	416,08		
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.027,58	3.699,95	-327,63	4.042,75		
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	37.870,34	36.999,89	-870,45	37.847,20	(23,14)	2,66
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.406,54	2.406,54	0,00	2.408,29	1,75	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	17.519,74	17.514,94	-4,80	17.508,93	(10,18)	
	Trong đó: Đất rừng SX là rừng TN	RSN	17.419,05	17.419,05	0,00	17.419,05		
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	234,17	232,90	-1,27	234,18		
1.7	Đất nông nghiệp khác	NKH	132,15	810,85	678,70	151,04	18,89	2,78
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.489,28	5.068,84	579,56	4.511,72	22,44	3,87
	Trong đó:							
2.1	Đất quốc phòng	CQP	359,50	413,33	53,83	359,50		
2.2	Đất an ninh	CAN	8,12	10,36	2,24	8,12		
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	24,50	24,50	0,00	24,50		
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	16,56	45,91	29,35	16,56		
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	16,26	23,16	6,90	16,26		

STT	Chi tiêu	Mã	Hiện trạng đến 31/12/2021 (ha)	Kế hoạch sử dụng đất năm 2022		Hiện trạng sử dụng đất năm 2022		
				Kế hoạch 2022 được duyệt (ha)	Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Diện tích (ha)	So sánh	
							Tăng, giảm để thực hiện dự án (ha)	Tỷ lệ (%)
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,42	3,42	0,00	3,42		
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	35,32	130,50	95,18	35,32		
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.258,32	2.608,90	350,58	2.272,12	13,80	3,94
-	Đất giao thông	DGT	1.286,98	1.388,67	101,69	1.289,03	2,05	2,02
-	Đất thủy lợi	DTL	706,15	912,59	206,44	715,90		
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,78	2,88	0,10	2,78		
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	6,96	6,89	-0,07	6,96		
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	58,88	61,14	2,26	58,88		
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	14,28	11,21	-3,07	14,28		
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,38	0,38	0,00	0,38		
-	Đất CT năng lượng	DNL	34,64	70,44	35,80	34,64		
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,46	0,46	0,00	0,46		
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	4,60	4,60	0,00	4,60		
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	3,97	9,47	5,50	5,97	2,00	36,37
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	40,10	42,27	2,17	40,10		
-	Đất làm nghĩa trang, NĐ, TL, HT	NTD	93,95	93,75	-0,20	93,95		
-	Đất chợ (Tỉnh, huyện, xã)	DCH	4,20	4,15	-0,05	4,20		
2.9	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,64	7,21	0,57	6,64		
2.11	Đất vui chơi, giải trí công cộng	DKV	6,98	6,47	-0,51	6,98		
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	628,44	672,27	43,83	634,22	5,78	13,18
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	66,61	69,06	2,45	67,03	0,42	17,00
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,99	14,59	1,60	12,99		
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,60	4,51	-0,09	4,60		
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.040,95	1.031,95	-9,00	1.040,89	(0,06)	0,65
3	Đất chưa sử dụng	CSD	76,46	49,94	-26,52	69,55	(6,91)	26,06

Theo quả thống kê đất đai năm 2022; kết quả thực hiện đến tháng 4/2023 theo báo cáo số liệu của phòng Tài nguyên và Môi trường.

a) Nhóm đất nông nghiệp:

Kết quả thực hiện đến ngày 30/04/2023 diện tích đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp là 22,44 ha. Trong đó chỉ tiêu đã thực hiện Đất giao thông 0,92 ha; Đất thủy lợi 9,75 ha; Đất ở tại nông thôn 9,01 ha; Đất ở tại đô thị 0,76 ha, đất bãi xử lý chất thải, rác thải 2,00 ha.

- Năm 2021 diện tích đất nông nghiệp là 63.335,95 ha;

- Diện tích đất nông nghiệp phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 62.782,91 ha. Kết quả thực hiện 63.320,42 ha, cao hơn 537,51 ha. So với kế hoạch được duyệt.

Theo kế hoạch được duyệt năm 2022 diện tích đất nông nghiệp dự kiến giảm 553,04 ha để thực hiện các công trình dự án phi nông nghiệp. Tuy nhiên hiện nay kết quả thực hiện chuyển đổi từ đất nông nghiệp qua đất phi nông nghiệp là 22,44 ha, đạt 2,81% so với kế hoạch đã được duyệt. Trong đó chuyển qua các chỉ tiêu (Đất giao thông 0,92 ha; Đất thủy lợi 9,75 ha; Đất ở tại nông thôn 9,01 ha; Đất ở tại đô thị 0,76 ha), đất bãi xử lý chất thải, rác thải 2,00 ha. Diện tích chênh lệch còn lại do điều chỉnh số liệu theo thống kê đất đai năm 2022.

Diện tích cao hơn 542,51 ha so với kế hoạch được duyệt, nguyên nhân do chưa thực hiện được các công trình, dự án phi nông nghiệp sử dụng vào đất nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt. Trong đó có một số công trình dự án lớn chưa thực hiện như: Hồ Đắc Gang, Hồ suối 38, Thao trường huấn luyện huyện Đắk Mil, Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Via hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14), Đường giao thông từ xã Đức Minh đi Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (Đ16), Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1), Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil, Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2, Đường giao thông liên xã Đắk R'la đi xã Đắk N'Drot, huyện Đắk Mil.

Diện tích đất nông nghiệp cụ thể như sau

* Đất trồng lúa:

- Năm 2021 diện tích đất trồng lúa là 1.128,04 ha;

- Diện tích đất trồng lúa được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 1.117,84 ha. Kết quả thực hiện 1.128,04 ha, cao hơn 10,20 ha so với kế hoạch được duyệt.

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất trồng lúa dự kiến giảm 10,20 ha để thực hiện 04 công trình dự án phi nông nghiệp. Kết quả chưa thực hiện.

* Đất trồng cây hàng năm khác:

- Năm 2021 diện tích đất trồng cây hàng năm khác là 4.027,58 ha;

- Diện tích đất trồng cây hàng năm khác được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 3.699,95 ha. Kết quả thực hiện 4.042,75 ha, cao hơn 342,80 ha so với kế hoạch được duyệt.

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất trồng cây hàng năm khác dự kiến giảm 327,63 ha để thực hiện 14 công trình, dự án phi nông nghiệp. Kết quả chưa được

thực hiện.

Diện tích thực tế đất trồng cây hàng năm khác trong năm 2022 cao hơn kế hoạch được duyệt 342,80 ha chưa thực hiện công trình dự án và do biến động trong thống kê đất đai trên địa bàn huyện.

* Đất trồng cây lâu năm:

- Năm 2021 diện tích đất trồng cây lâu năm là 37.870,34 ha;
- Diện tích đất trồng cây lâu năm được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 36.999,89 ha. Kết quả thực hiện là 37.847,20 ha, cao hơn 847,31 ha so với kế hoạch được duyệt.

Theo kế hoạch được duyệt, diện tích đất trồng cây lâu năm dự kiến giảm 870,45 ha để thực hiện các dự án phi nông nghiệp. Kết quả giảm 19,20 ha sang đất nông nghiệp khác và giảm 22,44 ha đạt 2.08% so với chỉ tiêu phê duyệt năm 2022. Diện tích đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp để thực hiện chuyển qua các chỉ tiêu (Đất giao thông 0,92 ha; Đất thủy lợi 9,75 ha; Đất ở tại nông thôn 9,01 ha; Đất ở tại đô thị 0,76 ha), đất bãi xử lý chất thải, rác thải 2,00 ha.

Diện tích thực tế đất trồng cây lâu năm trong năm 2022 cao hơn so với kế hoạch được duyệt 847,31 ha do chưa thực công trình, dự án có diện tích lớn như: Hồ Đắc Gang, Hồ suối 38, Thao trường huấn luyện huyện Đăk Mil.....và do biến động trong thống kê đất đai trên địa bàn huyện.

* Đất rừng phòng hộ:

- Năm 2021 diện tích đất rừng phòng hộ là 2.406,54 ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 2.406,54 ha. Kết quả thực hiện 2.408,29, cao hơn 1,75 ha so với kế hoạch được phê duyệt. Diện tích được phê duyệt tại kế hoạch sử dụng đất năm 2022 thấp hơn hiện trạng đã được công bố tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt số liệu diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn huyện Đăk Mil đến ngày 31/12/2022.

* Đất rừng sản xuất:

- Năm 2021 diện tích đất rừng sản xuất là 17.519,74 ha;
- Diện tích đất rừng sản xuất được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 17.514,94 ha. Kết quả thực hiện là 17.508,93 ha, thấp hơn 6,01 ha so với kế hoạch được duyệt.

- Theo kế hoạch được duyệt diện tích đất rừng sản xuất dự kiến giảm 4,80 ha để thực hiện công trình quốc phòng, kết quả chưa thực hiện.

- Đối với phần diện tích đất rừng sản xuất trên địa bàn huyện Đăk Mil, phần diện tích đất rừng sản xuất đang sử dụng kết hợp vào mục đích đất quốc phòng với 151,30 ha trên địa bàn xã Đăk Lao. Do đó phần diện tích đất rừng sản xuất thấp hơn so với Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Đăk Mil. Sau khi trừ diện tích đất rừng sử dụng kết hợp vào mục đích đất quốc phòng thì đất rừng sản xuất còn 17.508,93 ha, trong đó có diện tích đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên 17.417,06 ha.

- Diện tích thực tế đất rừng sản xuất năm 2022 thấp hơn kế hoạch được duyệt 6,01

ha so với kế hoạch được duyệt. Diện tích được phê duyệt tại kế hoạch sử dụng đất năm 2022 cao hơn hiện trạng đã được công bố tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt số liệu diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn huyện Đắk Mil đến ngày 31/12/2022.

* Đất nuôi trồng thủy sản:

- Năm 2021 diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 234,17 ha;

- Diện tích đất trồng thủy sản được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 232,90 ha. Kết quả thực hiện là 234,18 ha, cao hơn 1,28 ha so với kế hoạch được duyệt.

- Theo kế hoạch được phê duyệt diện tích đất nuôi trồng thủy sản giảm 1,27 ha. Diện tích giảm để chuyển qua đất thủy lợi thực hiện công trình hồ Đắk Gang, đến nay chưa thực hiện.

Diện tích thực tế đất nuôi trồng thủy sản năm 2022 cao hơn kế hoạch được duyệt 1.27 ha do chưa thực hiện công trình, dự án và do biến động trong thống kê đất đai trên địa bàn huyện.

* Đất nông nghiệp khác:

- Năm 2021 diện tích đất nông nghiệp khác là 132,15 ha;

- Diện tích đất nông nghiệp khác được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 810,58 ha. Kết quả thực hiện 151,04 ha, thấp hơn 659,81 ha so với kế hoạch được duyệt.

Theo kế hoạch được duyệt diện tích đất nông nghiệp khác dự kiến tăng 678,70 ha để thực hiện các công trình dự án nông nghiệp khác. Tuy nhiên kết quả thực hiện tăng 19,20 ha, đạt 2.78% so với kế hoạch đã được duyệt.

Diện tích thực tế đất nông nghiệp khác năm 2022 thấp hơn so với kế hoạch được duyệt 659,81 ha vì chưa thực hiện các công trình nông nghiệp khác. Và do biến động trong thống kê đất đai trên địa bàn huyện.

b) Đất phi nông nghiệp:

- Năm 2021 diện tích đất phi nông nghiệp là 4.489,28 ha;

Diện tích đất phi nông nghiệp phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 5.068,84 ha. Kết quả thực hiện 4.511,72 ha, thấp hơn 557,12 ha, đạt 3,87 % so với kế hoạch được duyệt.

Theo kế hoạch được duyệt năm 2022 diện tích đất phi nông nghiệp dự kiến tăng 579,56 ha để thực hiện các công trình dự án phi nông nghiệp. Kết quả thực hiện 22,44 ha để thực hiện các dự án: Nâng cấp đường Cù Chính Lan 0,22 ha, Sửa chữa, nâng cấp đường Lý Thái Tổ 0,01 ha; Sửa chữa, nâng cấp đường Võ Thị Sáu 0,50 ha; Bãi rác tập trung xã Đắk Gằn 2,00 ha, và thực hiện một phần các dự án: Nguyễn Tri Phương, Hai Bà Trưng (Giai đoạn 1) 0,13 ha; Các trục đường giao thông chính (Lý Thường Kiệt) 0,05 ha; Đường vành đai Hồ Tây (giai đoạn 2) Hạng mục: Vĩa hè, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng 0,006 ha; Hồ thủy lợi Đắk Klo Ou 9,75 ha; Đất ở tại nông thôn 9,01 ha; Đất ở tại đô thị 0,76 ha.

Diện tích đất phi nông nghiệp cụ thể như sau:

* Đất quốc phòng:

- Năm 2021 diện tích đất quốc phòng là 359,50 ha;

Diện tích đất quốc phòng được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 413,33 ha. Theo kế hoạch năm 2022 diện tích đất quốc phòng tăng 53,83 ha. Kết quả chưa được thực hiện.

* Đất an ninh:

- Năm 2021 diện tích đất an ninh là 8,12 ha;

Diện tích đất an ninh được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 10,36 ha. Theo kế hoạch năm 2022 diện tích đất an ninh tăng 2,24 ha. Kết quả chưa được thực hiện.

* Đất thương mại dịch vụ:

- Năm 2021 diện tích đất thương mại dịch vụ là 16,56 ha;

Diện tích đất thương mại dịch vụ được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 45,91 ha. Theo kế hoạch năm 2022 đất thương mại dịch vụ tăng 29,35 ha. Kết quả chưa thực hiện.

* Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

- Năm 2021 diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 16,26 ha;

Diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 23,16 ha. Theo kế hoạch năm 2022 diện tích đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tăng 6,90 ha. Kết quả chưa được thực hiện.

* Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm:

- Năm 2021 diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 35,32 ha;

Diện tích đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 130,50 ha. Theo kế hoạch năm 2022 đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm tăng 95,18 ha. Kết quả chưa thực hiện.

* Đất phát triển hạ tầng:

- Năm 2021 diện tích đất phát triển hạ tầng là 2.258,32 ha;

Diện tích đất phát triển hạ tầng phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 2.608,90 ha. Theo kế hoạch năm 2022 diện tích đất phát triển hạ tầng 346,53 ha. Kết quả thực hiện 04 công trình dự án với 12,67 ha, đạt 3.94% so với kế hoạch sử dụng đất năm 2022. Diện tích đất phát triển hạ tầng cụ thể như sau:

+ Đất giao thông:

- Năm 2021 diện tích đất giao thông là 1.286,98 ha;

Diện tích đất giao thông được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 tăng 101,69 ha. Kết quả thực hiện 03 dự án đã diện tích 0,92 ha, đạt 2.02% so với kế hoạch sử dụng đất năm 2022. Trong đó (Sửa chữa, nâng cấp đường Võ Thị Sáu, Sửa chữa, nâng cấp đường Lý Thái Tổ, Nâng cấp đường Cù Chính Lan).

Diện tích thực tế năm 2022 thấp hơn kế hoạch được duyệt 99,64 ha do chưa thực hiện các công trình giao thông. Và biến động trong thống kê đất đai trên địa bàn huyện.

+ Đất thủy lợi:

- Năm 2021 diện tích đất thủy lợi là 706,15 ha;

Diện tích đất thủy lợi được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 912,59 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất thủy lợi tăng 206,44 ha so

với hiện trạng năm 2021. Kết quả thực hiện 01 dự án 9,75, đạt 4.72% so với kế hoạch sử dụng đất năm 2022. Trong đó (dự án Hồ thủy lợi Đắc Klo Ou).

+ Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

- Năm 2021 diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa là 2,78 ha;

Diện tích đất xây dựng cơ sở văn hoá được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 2,88 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất xây dựng cơ sở văn hoá tăng 0,10 ha. Kết quả chưa thực hiện.

+ Đất cơ sở y tế:

- Năm 2021 diện tích đất cơ sở y tế là 6,96 ha;

Diện tích cơ sở y tế được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 6,89 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất cơ sở y tế giảm 0,07 ha. Kết quả chưa được thực hiện.

+ Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:

- Năm 2021 diện tích đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo là 58,88 ha;

Diện tích xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 61,14 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo tăng 2,26 ha thực hiện kêu gọi đầu tư Trường Mầm non, tiểu học và THCS xã Đắc Lao diện tích tăng từ đất trồng cây lâu năm. Kết quả chưa được thực hiện.

+ Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao:

- Năm 2021 diện tích đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao là 14,28 ha;

Diện tích xây dựng cơ sở thể dục, thể thao được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 11,21 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao giảm 3,07 ha. Kết quả chưa được thực hiện.

+ Đất công trình năng lượng:

- Năm 2021 diện tích đất công trình năng lượng là 34,64 ha;

Diện tích công trình năng lượng được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 70,44 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất xây công trình năng lượng tăng 35,80 ha. Kết quả chưa được thực hiện.

+ Đất bãi thải, xử lý chất thải:

- Năm 2021 diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải là 3,97 ha;

Diện tích đất bãi thải, xử lý chất thải được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 9,47 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 tăng 5,50 ha. Kết quả đã thực hiện 01 công trình bãi rác tập trung xã tại xã Đắc Gắn với diện tích 2,00 ha đạt 36,37% so với kế hoạch được duyệt.

Diện tích thực tế năm 2022 thấp hơn so với kế hoạch được duyệt 3,50 ha do chưa thực hiện các công trình bãi thải, xử lý chất thải.

+ Đất cơ sở tôn giáo:

- Năm 2021 diện tích đất cơ sở tôn giáo là 40,10 ha;

Diện tích đất cơ sở tôn giáo được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 42,27 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất cơ sở tôn giáo tăng 2,17 ha. Kết quả chưa được thực hiện.

+ Đất chợ:

- Năm 2021 diện tích đất chợ là 4,20 ha;
Diện tích đất chợ được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 4,15 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất chợ giảm 0,05 ha. Kết quả chưa được thực hiện.

* Đất sinh hoạt cộng đồng:

- Năm 2021 diện tích đất sinh hoạt cộng đồng là 6,64 ha;
Diện tích đất sinh hoạt cộng đồng được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 7,21 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất sinh hoạt cộng đồng tăng 0,57 ha. Kết quả chưa được thực hiện.

* Đất khu vui chơi, giải trí công cộng:

- Năm 2021 diện tích đất khu vui chơi, giải trí công cộng là 6,98 ha;
Diện tích đất khu vui chơi, giải trí được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 6,47 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất khu vui chơi, giải trí giảm 0,51 ha. Kết quả chưa được thực hiện.

* Đất ở tại nông thôn:

- Năm 2021 diện tích đất ở tại nông thôn là 628,44 ha;
Diện tích đất ở tại nông thôn được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 672,27 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất ở tại nông thôn tăng 43,83 ha. Kết quả thực hiện diện tích đất ở tại nông thôn tăng để thực hiện nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân là 9,01 ha.

Diện tích thực tế năm 2022 thấp hơn so với kế hoạch được duyệt 38,05 ha do chưa thực hiện chuyển đổi mục đích sang đất ở tại nông thôn.

* Đất ở tại đô thị:

- Năm 2021 diện tích đất ở tại đô thị là 66,61 ha;
Diện tích đất ở tại nông thôn được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 69,06 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất ở tại đô thị tăng 2,45 ha. Kết quả thực hiện diện tích đất ở tại đô thị tăng để thực hiện nhu cầu chuyển mục đích hộ gia đình, cá nhân là 0,76 ha.

* Đất xây dựng trụ sở cơ quan:

- Năm 2021 diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan là 12,99 ha;
Diện tích đất xây dựng trụ sở cơ quan được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 14,59 ha. Theo kế hoạch được duyệt, trong năm 2022 đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 1,60 ha. Kết quả chưa được thực hiện.

* Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp:

- Năm 2021 diện tích đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp là 4,60 ha;
Chỉ tiêu kế hoạch được duyệt 4,51 ha. Theo kế hoạch được duyệt năm 2022 đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp giảm 0,09 ha để đấu giá quyền sử dụng đất. Kết quả chưa được thực hiện.

* Đất cơ sở tín ngưỡng:

- Năm 2021 diện tích đất cơ sở tín ngưỡng là 0,08 ha;
Năm 2022 không thực hiện công trình dự án, diện tích giữ theo hiện trạng năm 2021.

* Đất sông ngòi, suối, kênh:

- Năm 2021 diện tích đất sông ngòi, suối, kênh là 1.040,95 ha;
Theo kế hoạch đã duyệt năm 2022 giảm 9,00 ha để chuyển sang đất giao thông, đất thủy lợi. Kết quả chưa được thực hiện.

c) Đất chưa sử dụng:

- Năm 2021 diện tích đất chưa sử dụng là 76,46 ha;
- Diện tích đất chưa sử dụng được phê duyệt trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 là 49,94 ha. Kết quả thực hiện 69,55 ha, cao hơn 19,61 ha so với kế hoạch được duyệt năm 2022.

- Theo kế hoạch được duyệt năm 2022 diện tích đất chưa sử dụng dự kiến giảm 26,52 ha để chuyển qua đất trồng cây lâu năm. Kết quả chưa thực hiện.

- Diện tích thực tế giảm 6,91 ha do biến động trong thống kê đất đai trên địa bàn huyện.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022

Bảng 2.2: Kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	588,59	22,44	-569,72	3,81
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	9,66	-	-9,66	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	47,85	-	-47,85	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	524,95	22,44	-506,08	4,27
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	4,80	-	-4,80	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,33	-	-1,33	-
2	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	2,30	-	-2,30	-

Kết quả chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 được thể hiện trong bảng trên. Cụ thể:

- Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp chỉ tiêu được duyệt là 588,59 ha, thực hiện 22,44 ha, diện tích chưa thực hiện 569,72 ha, thực hiện đạt 3,81%. Trong đó:

+ Các chỉ tiêu đất nông nghiệp chưa thực hiện chuyển đổi mục đích sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt bao gồm: Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác, đất rừng sản xuất, đất nuôi trồng thủy sản.

+ Chỉ tiêu đất nông nghiệp thực hiện chuyển đổi mục đích một phần sang đất phi nông nghiệp theo kế hoạch được duyệt bao gồm: Đất trồng cây lâu năm thực hiện chuyển đổi 22,44 ha/524,95ha, thực hiện đạt 4,27% cụ thể: Diện tích chuyển mục đích sang đất ở nhu cầu hộ gia đình, cá nhân là 9,77 ha; Diện tích chuyển sang đất giao thông 0,92 ha thực hiện công trình (Sửa chữa, nâng cấp đường Võ Thị Sáu, Sửa chữa, nâng cấp đường Lý Thái Tổ, Nâng cấp đường Cù Chính Lan); Diện tích chuyển sang đất bãi thải, xử lý chất thải 2,00 ha, thực hiện công trình bãi xử lý rác thải tại xã Đắc Gàn.

- Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở: Đất phi nông

nh nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở theo kế hoạch được duyệt là 2,30 ha, nhưng chưa thực hiện theo kế hoạch được duyệt.

2.3. Đánh giá kết quả thực hiện thu hồi đất năm 2022

Căn cứ vào Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về Danh mục công trình dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022; Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 05/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh tên dự án thu hồi đất và bổ sung danh mục các dự án cần thu hồi đất để phát triển kinh tế - hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2022; Công trình dự án thu hồi đất thông qua tại Nghị quyết số 186/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 (31 danh mục), Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 05/5/2022 (02 danh mục). Kết quả thực hiện thu hồi đất trong năm 2022, như sau:

Bảng 2.3: Kết quả thực hiện chỉ tiêu thu hồi đất năm 2022

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Kế hoạch phê duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	Tăng giảm (+/-)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
	TỔNG		513,47	12,67		
1	Đất nông nghiệp	NNP	497,52	12,67	(-484,85)	2,55
	<i>Trong đó:</i>		-			
1.1	Đất trồng lúa	LUA	8,98	-	(-8,98)	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	35,5	-	(-35,50)	-
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	446,91	12,67	(-434,24)	2,84
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	4,8	-	(-4,80)	-
	<i>Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	RSN		-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,33	-	(-1,33)	-
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	15,95		(-15,95)	-
	<i>Trong đó:</i>		-			
2.1	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, huyện, xã	DHT	3,84	-	(-3,84)	-
-	Đất giao thông	DGT	3,78	-	(-3,78)	-
-	Đất cơ sở y tế	DGD	0,06	-	(-0,06)	-
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,13		(-2,13)	-
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	0,9	-	(-0,90)	-
2.4	Đất trụ sở cơ quan	TSC				
2.5	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON				

Số lượng công trình, dự án đã thực hiện thu hồi đất là 04/33 dự án, đạt 12,12% số lượng; diện tích thu hồi 12,67/513,47 ha, đạt 2,47%. Cụ thể công trình:

Bảng 2.3.1: Công trình, dự án đã thực hiện thu hồi đất năm 2022

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Sửa chữa, nâng cấp đường Võ Thị Sáu	DGT	0,50	TT Đắk Mil
2	Sửa chữa, nâng cấp đường Lý Thái Tổ	DGT	0,01	TT Đắk Mil

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm
3	Nâng cấp đường Cù Chính Lan	DGT	0,22	TT Đăk Mil
4	Bãi rác tập trung xã Đăk Găn	DRA	2,00	Xã Đăk Găn

Bảng 2.3.2: Công trình, dự án đã thực hiện thu hồi đất một phần và chuyển tiếp sang năm 2023 để tiếp tục thực hiện.

Số TT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích đã thu hồi	Diện tích (ha)	Địa điểm
1	Nguyễn Tri Phương, Hai Bà Trưng (Giai đoạn 1)	DGT	0,13	0,78	TT Đăk Mil
2	Các trục đường giao thông chính (Lý Thường Kiệt)	DGT	0,05	1,95	TT Đăk Mil
3	Đường vành đai Hồ Tây (giai đoạn 2) Hạng mục: Vĩa hè, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	DGT	0,006	1,99	TT Đăk Mil
4	Hồ thủy lợi Đăk Klo Ou	DTL	9,75	15,25	Xã Đăk Lao

Bảng 2.3.3: Công trình, dự án thu hồi đất chưa thực hiện chuyển tiếp sang kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Hạng Mục	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư	DTC	15,53	Xã Đức Minh
2	Hồ Đăk Klo Ou, xã Đăk Lao	DTL	15,25	Xã Đăk Lao
3	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Vĩa hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14)	DGT	3,49	Thị trấn Đăk Mil, xã Thuận An
4	Sửa chữa đường Nguyễn Tri Phương - Hai Bà Trưng (Giai đoạn 2)	DGT	0,78	Thị trấn Đăk Mil
5	Đường giao thông từ xã Đức Minh đi Đức Mạnh, huyện Đăk Mil (Đ16)	DGT	2,50	Thị trấn Đăk Mil, Xã Đức Minh, Đức Mạnh
6	Đường giao thông từ cửa khẩu Đăk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đăk Mil (giai đoạn 1)	DGT	4,80	Xã Đức Minh và xã Thuận An
7	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đăk Mil	DGT	3,90	Xã Đức Minh, xã Thuận An
8	Tiểu Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	DGT, DTL	27,10	Thị trấn Đăk Mil; xã Thuận An, xã Đức Mạnh, xã Đăk Lao
9	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2	DGT	5,60	xã Đức Minh, Đăk Săk, Đức Mạnh
10	Đường giao thông liên xã Đăk R'la đi xã Đăk N'Drot, huyện Đăk Mil	DGT	6,30	Xã Đăk R'La, xã Đăk N'Dot
11	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 3	DGT	3,62	Xã Đức Minh
12	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đăk Săk (từ QL 14 đi tỉnh lộ 682)	DGT	1,50	Xã Đức Minh, xã Đức Mạnh, Đăk Săk
13	Trục đường còn lại của Hoa viên khu dân cư tổ dân phố 5	DGT	0,20	Thị trấn Đăk Mil

STT	Hạng Mục	Mã QH	Diện	Địa điểm (đến cấp)
14	Đường GT từ Bán Cao Lạng đi Nam Xuân Krông Nô (ĐH11-A)	DGT	0,50	Xã Đăk Gản
15	Dự án Hồ suối 38, tỉnh Đăk Nông	DTL	29,00	Xã Đăk R'La
16	Hồ Đăk Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1)	DTL	184,6	Xã Đăk R'La, Xã Đăk Gản
17	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110KV Krông Nô	DNL	0,10	Xã Đăk R'La
18	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	TSC	2,00	Xã Đức Minh
19	Bãi rác xã Đăk N'Drot	DRA	2,00	Xã Đăk N'Drot

Bảng 2.3.4: Công trình dự án thu hồi đất chưa thực hiện, không chuyển tiếp sang kế hoạch năm 2023

STT	Danh mục công trình, dự án	Mã QH	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao kết hợp thương mại dịch vụ và khu dân cư (giai đoạn 1)	DTC	36,00	Thị trấn Đăk Mil
2	Tuyến đường giao thông trung tâm hành chính huyện Đăk Mil và các trục đường ngang	DGT	16,9	Thị trấn Đăk Mil
3	Hạ tầng cụm công nghiệp Thuận An (giai đoạn 2); hạng mục: GPMB và xây dựng hạ tầng	SKN	25,64	Xã Thuận An
4	Hạ tầng khu thương mại - dịch vụ, dân cư số 1	DTC	50,00	Xã Đăk Lao
5	Khu trung tâm hành chính huyện	TSC	60	Xã Thuận An
6	Đường liên xã Đăk Lao - Thuận An (hạng mục mương thu gom nước và hạ lưu cống xả)	DGT	0,2	Xã Thuận An

2.4. Đánh giá những tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022

a. Kết quả đạt được và những tồn tại trong thực hiện kế hoạch năm 2022.

Nhìn chung, việc thực hiện kế hoạch sử dụng năm 2022 của huyện đã theo sát theo Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Đăk Nông về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đăk Mil và đã đạt được những thành quả nhất định:

- Đảm bảo tính thống nhất trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai từ cấp tỉnh, huyện, cấp xã.

- Làm cơ sở pháp lý quan trọng cho công tác giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

- Đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

Bên cạnh những mặt đạt được trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện vẫn còn tồn tại một số hạn chế sau:

- Một số dự án, công trình có quy mô diện tích lớn nhưng tiến độ thực hiện chậm, kéo dài dẫn đến ảnh hưởng đến chỉ tiêu kết quả thực hiện trong năm kế hoạch.

- Công tác giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất... triển khai chậm dẫn đến các thủ tục pháp lý chưa hoàn thành nên phải tiếp tục chuyển tiếp qua năm kế hoạch 2023 để triển khai thực hiện hoàn tất thủ tục pháp lý.

b. Đánh giá nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022:

- Do quy trình lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 kéo dài, nên kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện đến giữa tháng 12 năm 2022 mới được phê duyệt dẫn đến ảnh hưởng tiến độ thực hiện của các công trình dự án.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng còn chậm và nhiều bất cập.

- Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của một số ngành có liên quan đến sử dụng đất phi nông nghiệp còn nặng về định hướng lâu dài mà chưa cân nhắc đầy đủ đến khả năng thực hiện trong năm kế hoạch nên dẫn đến mức độ thực hiện còn thấp so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng cao; trong khi những năm qua với chính sách giảm chi tiêu công và những khó khăn của doanh nghiệp nên ảnh hưởng đến nguồn vốn ngân sách cũng như nguồn vốn xã hội hóa để thực hiện dự án.

c. Bài học kinh nghiệm trong thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2022:

- Kế hoạch sử dụng đất cần thực hiện theo đúng quy trình; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của huyện Đắk Mil, cũng như các quy hoạch ngành (*quy hoạch xây dựng, quy hoạch giao thông...*). Kế hoạch sử dụng đất cần lường hết được những khó khăn trong quá trình thi công, giải phóng mặt bằng, vốn đầu tư, tránh quy hoạch treo, không thực hiện được hoặc việc bố trí quỹ đất cho các mục đích sử dụng chưa phù hợp với nhu cầu thực tế.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cần đảm bảo minh bạch, công khai và dân chủ; quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch cần có sự tham gia và ý kiến phản hồi của các cơ quan, tổ chức sử dụng đất.

- Các quy định của pháp luật về quản lý đất đai nói chung và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng, cần kịp thời cập nhật, thông tin và truyền thông đầy đủ và kịp thời cho các tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Các thủ tục hành chính về đất đai cần được hướng dẫn cụ thể và thực hiện đầy đủ.

- Các thủ tục hành chính về đất đai cần chấp hành đầy đủ theo trình tự, quy định, tránh để tồn đọng các giấy tờ, đây cũng là bài học hạn chế việc quản lý và sử dụng đất đai trái pháp luật.

- Các chủ đầu tư của các công trình dự án nằm trong năm kế hoạch được duyệt cần phải bố trí đủ nguồn vốn để bồi thường đất, hỗ trợ, tái định để thực hiện các dự án thu hồi đất. Phối hợp chặt chẽ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện để thực hiện đo đạc, kiểm đếm tài sản, cây cối, hoa màu trên đất.. và ứng vốn kịp thời để chi trả các đối tượng bị thu hồi đất.

- Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án. Đối với các dự án sử dụng đất đề nghị đơn vị chủ quản sử dụng tập trung thực hiện hoàn thành các thủ tục về đất đai trong năm kế hoạch 2023.

- Bố trí nguồn kinh phí để thực hiện việc chỉnh lý bản đồ địa chính, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chính để tạo thuận lợi cho việc quản lý nhà nước về đất đai một

cách hiệu quả, khoa học, đúng pháp luật, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng an ninh trên huyện Đắk Mil.

PHẦN III

LẬP KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2023

3.1. Nhu cầu sử dụng đất năm kế hoạch 2023

Các chỉ tiêu sử dụng đất đưa vào KHSDD năm 2023 được xác lập dựa trên các cơ sở sau đây:

- Quyết định số 2072/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 về việc phê Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Đăk Mil tỉnh Đăk Nông; Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đăk Mil tỉnh Đăk Nông.

- Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh về danh mục dự án phải thu hồi đất để phát triển KT-XH vì lợi ích quốc gia công cộng trên địa bàn tỉnh Đăk Nông trong năm 2023.

- Các công trình dự án trong kế hoạch năm 2022 chưa thực hiện, chuyển qua thực hiện năm 2023 và công trình đề xuất mới năm 2023.

Qua đăng kí nhu cầu sử dụng đất năm 2023 của các phòng, ban của huyện và UBND các xã, thị trấn, cũng như các cơ quan đơn vị trên địa bàn; kết hợp quá trình điều tra, khảo sát thực địa. Tổng danh mục công trình, dự án dự kiến thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất 2023 trên địa bàn huyện Đăk Mil là 66 công trình. Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chưa thực hiện chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 44 công trình, dự án; công trình dự án mới năm 2023 là 22 công trình. Trong đó:

- Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh: 16 công trình, dự án;

- Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất: 32 công trình dự án. Trong đó:

+ Công trình dự án đã được thông qua tại Nghị quyết số 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đăk Nông: 30 công trình; (20 công trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm 2022 và 10 công trình, dự án đăng ký mới trong năm 2023);

+ Công trình dự án thu hồi đất đưa vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua: 02 công trình, dự án.

- Công trình chuyển mục đích, đấu giá quyền sử dụng đất: 18 công trình, dự án.

3.2. Chỉ tiêu sử dụng đất

Căn cứ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Đăk Mil được UBND tỉnh Đăk Nông phê duyệt, quy hoạch các ngành; chương trình mục tiêu quốc gia và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong năm 2023. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 của huyện Đăk Mil, như sau:

Bảng 3.1: Chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất năm 2023

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2022	Kế hoạch 2023		Tăng, giảm (+), (-)
				Tổng diện tích 2023	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=5-4)
I	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		67.901,69	67.901,69	100,00	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	63.320,42	62.835,50	92,54	-484,92
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.128,04	1.119,02	1,65	-9,02
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>711,95</i>	<i>710,26</i>	<i>1,05</i>	<i>-1,69</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.042,75	3.904,58	5,75	-138,17
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	37.847,20	37.263,08	54,88	-584,12
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.408,29	2.408,29	3,55	0,00
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	0,00
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	17.508,93	17.504,03	25,78	-4,90
	<i>Trong đó: Đất rừng SX là rừng TN</i>	<i>RSN</i>	<i>17.419,05</i>	<i>17.419,05</i>	<i>25,65</i>	<i>0,00</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	234,18	232,73	0,34	-1,45
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	151,04	403,78	0,59	252,74
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.511,72	5.023,15	7,40	511,42
2.1	Đất quốc phòng	CQP	359,50	408,38	0,60	48,88
2.2	Đất an ninh	CAN	8,12	10,36	0,02	2,25
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	24,50	24,50	0,04	0,00
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	16,56	17,53	0,03	0,97
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	16,26	45,36	0,07	29,10
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,42	3,42	0,01	0,00
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	35,32	97,80	0,14	62,48
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.272,12	2.597,47	3,82	325,35
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.289,03</i>	<i>1.378,17</i>	<i>2,03</i>	<i>89,13</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>715,90</i>	<i>940,74</i>	<i>1,39</i>	<i>224,84</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>2,78</i>	<i>2,78</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	<i>6,96</i>	<i>7,10</i>	<i>0,01</i>	<i>0,15</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo</i>	<i>DGD</i>	<i>58,88</i>	<i>58,75</i>	<i>0,09</i>	<i>-0,13</i>
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	<i>14,28</i>	<i>14,26</i>	<i>0,02</i>	<i>-0,02</i>
-	<i>Đất cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	<i>0,38</i>	<i>0,38</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất CT năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>34,64</i>	<i>35,34</i>	<i>0,05</i>	<i>0,70</i>
-	<i>Đất bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,46</i>	<i>0,46</i>	<i>0,00</i>	<i>0,00</i>
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	<i>5,97</i>	<i>16,16</i>	<i>0,02</i>	<i>10,19</i>
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	<i>40,10</i>	<i>40,77</i>	<i>0,06</i>	<i>0,67</i>
-	<i>Đất làm nghĩa trang, NĐ, TL, HT</i>	<i>NTD</i>	<i>93,95</i>	<i>93,82</i>	<i>0,14</i>	<i>-0,13</i>
-	<i>Đất chợ (Tỉnh, huyện, xã)</i>	<i>DCH</i>	<i>4,20</i>	<i>4,15</i>	<i>0,01</i>	<i>-0,05</i>
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	0,00
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	6,64	7,14	0,01	0,50
2.11	Đất vui chơi, giải trí công cộng	DKV	6,98	12,06	0,02	5,08

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng 2022	Kế hoạch 2023		Tăng, giảm (+), (-)
				Tổng diện tích 2023	Cơ cấu (%)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7=5-4)
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	636,72	680,03	1,00	43,31
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	67,03	68,05	0,10	1,02
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,99	14,48	0,02	1,49
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,60	4,60	0,01	0,00
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,08	0,08	0,00	0,00
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.040,89	1.031,89	1,52	-9,00
3	Đất chưa sử dụng	CSD	69,55	43,05	0,06	-26,50

* Diện tích đất tự nhiên toàn huyện: Năm 2023, tổng diện tích đất tự nhiên toàn huyện có 67.901,69 ha, không thay đổi so với năm 2022.

2.2.1 Đất nông nghiệp

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 diện tích đất nông nghiệp là 62.835,50 ha, chiếm 92,54% tổng diện tích tự nhiên, giảm 484,92 ha so với hiện trạng năm 2022.

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 62.809,87 ha;

- Diện tích giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp 511,42 ha. Trong đó giảm do chuyển qua các mục đích: Đất quốc phòng 48,60 ha, đất an ninh 1,86 ha, đất thương mại, dịch vụ 0,97 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 29,10 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng 55,48 ha, đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã 288,59 ha (đất giao thông 90,26 ha, đất thủy lợi 194,70 ha, đất công trình năng lượng 0,70 ha, đất bãi thải, xử lý chất thải 10,19 ha, đất cơ sở tôn giáo 0,67 ha), đất sinh hoạt cộng đồng 0,19 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 5,08 ha, đất ở tại nông thôn 43,05 ha, đất ở tại đô thị 0,80 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,0 ha;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất chưa sử dụng 26,51 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 62.142,56. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 cao hơn 659,11, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Cụ thể, các chỉ tiêu sử dụng đất nông nghiệp của huyện trong kế hoạch năm 2023 như sau:

* Đất trồng lúa

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 1.119,02 ha, giảm 9,02 ha so với hiện trạng và chiếm 1,65% diện tích tự nhiên;

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 1.119,02 ha;

- Diện tích giảm do chuyển sang đất an ninh 0,1 ha (trụ sở công an xã Long Sơn), đất giao thông 1,69 ha (đường giao thông từ cửa khẩu Đắc Per, xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắc Mil (giai đoạn 1)), đất thủy lợi 7,23ha (Hồ Đắc Gang).

Trong đó đất chuyên trồng lúa nước: Kế hoạch năm 2023 diện tích là 710,26 ha, giảm 1,69 ha so với hiện trạng và chiếm 1,05% diện tích tự nhiên;

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng 1.119,02 ha;

- Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 1,67 ha (đường giao thông từ cửa khẩu Đắc Per, xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắc Mil (giai đoạn I)).

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.029,13. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 cao hơn 89,89, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất trồng cây hàng năm khác**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 3.904,58 ha, giảm 138,17 ha so với hiện trạng và chiếm 5,75% diện tích tự nhiên;

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 3.904,58 ha;

- Diện tích giảm do chuyển sang đất nông nghiệp khác 110,57 ha, đất giao thông 5,40 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 7,0 ha, đất bãi thải xử lý chất thải 2,0 ha, đất ở tại nông thôn 2,75 ha, đất ở tại đô thị 0,40ha;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 3.284,75. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 cao hơn 615,13, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất trồng cây lâu năm**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 37.263,08 ha, giảm 584,12 ha so với hiện trạng và chiếm 54,88% diện tích tự nhiên;

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 37.237,85 ha;

- Diện tích giảm 610,62 ha do chuyển sang đất nông nghiệp khác 142,17 ha, đất quốc phòng 43,97 ha, đất an ninh 1,76 ha, đất thương mại, dịch vụ 0,97 ha, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 29,10 ha, đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm 55,48 ha, đất giao thông 82,99 ha, đất thủy lợi 193,50 ha, đất công trình năng lượng 0,70 ha, đất bãi thải xử lý chất thải 8,19 ha, đất xây dựng cơ sở tôn giáo 0,67 ha, đất sinh hoạt cộng đồng 0,19 ha, đất khu vui chơi, giải trí công cộng 5,08 ha, đất ở tại nông thôn 43,05 ha, đất ở tại đô thị 0,80 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,0 ha;

- Diện tích tăng do đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng 26,51 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 35.917,65. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 cao hơn 1.316,30, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất rừng phòng hộ**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 2.408,29 ha, chiếm 3,55% diện tích tự nhiên. Giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 2.406,44. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 cao hơn 1,85, không phù hợp với quy hoạch được duyệt. Diện tích quy hoạch đất rừng phòng hộ thấp hơn so với hiện trạng đã được công bố tại Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 31/01/2023 về việc phê duyệt số liệu diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng trên địa bàn huyện Đắc Mil đến ngày 31/12/2022.

*** Đất rừng sản xuất**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 17.504,03 ha, chiếm 25,78% tổng diện tích tự nhiên, giảm 4,90 ha so với hiện trạng. Diện tích giảm do chuyển đất quốc phòng trên địa bàn xã Đắc Lao và xã Thuận An.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 18.067,78. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 563,75, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đối với phần diện tích quy hoạch đất lâm nghiệp trong quy hoạch sử dụng đất

đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt. Trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 chưa đưa vào để thực hiện, tuy nhiên phần diện tích này vẫn được thể hiện trên bản đồ Kế hoạch là đất phát triển lâm nghiệp để quản lý. Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã cập nhật kế hoạch trồng rừng trong năm 2023 của huyện và của các đơn vị quản lý rừng. Tuy nhiên, diện tích trồng và phát triển rừng trên phần diện tích đất lâm nghiệp không có rừng do đó đều đã được thống kê đất đai vào đất lâm nghiệp nên chỉ tiêu năm 2023 đất lâm nghiệp không tăng.

*** Đất nuôi trồng thủy sản**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 232,73 ha, giảm 1,45 ha so với hiện trạng và chiếm 0,34% diện tích tự nhiên;

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 232,73 ha;

- Diện tích giảm do chuyển sang đất thủy lợi 1,27 ha (hồ Đắc Gang trên địa bàn xã Đắc R'la và xã Đắc Gắn), đất giao thông 0,18 ha (Đường giao thông xã Đức Minh đi xã Đức Mạnh (Đ16), Đường từ QL 14 đi qua Trung tâm hành chính mới đi tỉnh lộ 683).

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 232,89. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 0,16, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất nông nghiệp khác**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 403,78 ha, tăng 234,09 ha so với hiện trạng và chiếm 0,59% diện tích tự nhiên;

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 151,04 ha;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 110,57 ha, đất trồng cây lâu năm 142,17 ha. Đất nông nghiệp khác tăng để phục vụ nhu cầu chuyển đổi mục đích của hộ gia đình cá nhân và thực hiện các dự án chăn nuôi, dự án nông nghiệp nhằm kêu gọi, thu hút đầu tư trên địa bàn huyện.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.203,92. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 800,14, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

2.2.2. Đất phi nông nghiệp:

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 5.023,15 ha, chiếm 7,40% diện tích tự nhiên, tăng 511,42 ha so với hiện trạng;

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 4.511,72 ha;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa nước 9,00 ha, đất trồng cây hàng năm khác 32,30 ha, đất trồng cây lâu năm 468,45 ha, đất rừng sản xuất 4,90 ha, đất nuôi trồng thủy sản 1,45 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 5.738,97. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 681,98, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Các chỉ tiêu cụ thể sử dụng đất phi nông nghiệp của huyện năm 2023, như sau:

*** Đất quốc phòng**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 408,38 ha, chiếm 0,60% diện tích tự nhiên, tăng 48,88 ha.

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 359,50 ha;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 43,97 ha, đất rừng sản xuất 4,90 ha, đất ở tại nông thôn 0,01 ha. Diện tích tăng để thực hiện các công trình quốc

phòng trên địa bàn huyện trong năm 2023.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 562,00. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 152,62, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất an ninh**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 10,36 ha, chiếm 0,02% diện tích tự nhiên, tăng 2,25 ha so với hiện trạng năm 2022;

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 8,12 ha;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa nước 0,1 ha, đất trồng cây lâu năm 1,76 ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,06 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,32 ha, để thực hiện dự án trụ sở làm việc công an các xã và trụ sở đội công an phòng cháy chữa cháy trên địa bàn huyện.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 10,31. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 cao hơn 0,05, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất thương mại, dịch vụ**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 17,53 ha, chiếm 0,03% diện tích tự nhiên, tăng 0,97 ha so với hiện trạng;

- Diện tích không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 16,56 ha;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,97 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 169,77. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 152,24, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 45,36 ha, chiếm 0,07% diện tích tự nhiên, tăng 29,10 ha so với hiện trạng năm 2022;

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 16,26 ha;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 29,10 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 111,00. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 65,64, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất cho hoạt động khoáng sản**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 3,42 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 3,42. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 bằng chỉ tiêu quy hoạch, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 97,80 ha, chiếm 0,14% tổng diện tích tự nhiên, tăng 62,48 ha so với hiện trạng;

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 35,32 ha;

- Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 7,0ha, đất trồng cây lâu năm 55,48ha, để thực hiện các mỏ đất phục vụ san lấp mặt bằng.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 142,51. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 44,71, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất phát triển hạ tầng**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 2.597,47 ha, chiếm 3,83% tổng diện tích tự

nhiên, tăng 358,53 ha so với hiện trạng năm 2022;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 3.065,32. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 434,67, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

Cụ thể các loại đất phát triển hạ tầng như sau:

- Đất giao thông:

+ Kế hoạch năm 2023 diện tích là 1.378,17 ha, tăng 89,13 ha so với hiện trạng và chiếm 2,03% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 1.285,25 ha.

+ Diện tích giảm 3,78 ha do chuyển qua đất thủy lợi (công trình hồ Đắc Gang)

+ Diện tích tăng 91,91 ha, do chuyển từ đất trồng lúa 1,65 ha, đất trồng cây lâu năm 82,99 ha, đất trồng cây hàng năm 5,40 ha, đất nuôi trồng thủy sản 0,18 ha, đất ở tại nông thôn 1,14 ha, đất ở tại đô thị 0,18 ha, đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 0,09 ha.

Đất giao thông tăng để thực hiện các dự án: Nâng cấp các trục đường giao thông chính TT Đắc Mil; Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Vĩa hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14); Sửa chữa đường Nguyễn Tri Phương - Hai Bà Trưng (Giai đoạn 2); Đường giao thông từ xã Đức Minh đi Đức Mạnh, huyện Đắc Mil (ĐT16); Đường giao thông từ cửa khẩu Đắc Per, xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắc Mil (giai đoạn 1); Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắc Mil; Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2; Đường giao thông liên xã Đắc R'la đi xã Đắc N'Drot, huyện Đắc Mil; Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 3; Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đắc Sắk (từ QL 14 đi tỉnh lộ 682); Đường từ đường Lê Duẩn đi Trụ sở UBND xã Đức Minh mới (Giai đoạn 1); Đường từ QL 14 đi qua Trung tâm hành chính mới đi Tỉnh lộ 683; Các trục đường giao thông trong các điểm dân cư nông thôn, dân cư đô thị....

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 1.493,09. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 114,92, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất thủy lợi:

+ Kế hoạch năm 2023 diện tích là 940,74 ha, tăng 224,84 ha so với hiện trạng và chiếm 1,38% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 715,90 ha;

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất trồng lúa 7,23 ha, đất trồng cây hàng năm khác 10,05 ha, đất trồng cây lâu năm 193,50 ha, đất nuôi trồng thủy sản 1,27 ha, đất ở tại nông thôn 0,10 ha, đất giao thông 3,78 ha, đất sông ngòi, kênh rạch, suối 8,91 ha;

Đất thủy lợi tăng để thực hiện các dự án: Hồ Đắc Klo Ou, xã Đắc Lao; Dự án Hồ suối 38, tỉnh Đắc Nông; Hồ Đắc Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1).

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 991,42. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 50,68, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở văn hóa:

+ Kế hoạch năm 2023 diện tích là 2,78 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 5,38. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 2,60, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở y tế:

+ Kế hoạch năm 2023 diện tích là 7,10 ha, tăng 0,15 ha so với hiện trạng và chiếm 0,01% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 6,89 ha;

+ Diện tích tăng do chuyển từ đất thể dục thể thao 0,02 ha, đất xây dựng trụ sở cơ quan 0,19 ha.

Đất xây dựng cơ sở y tế tăng để thực hiện các dự án: Trụ sở y tế thị trấn Đăk Mil, mở rộng trụ sở y tế xã Đăk R'La.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 7,07. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 cao hơn 0,03, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo:

+ Kế hoạch năm 2023 diện tích là 58,75 ha, giảm 0,13 ha so với hiện trạng và chiếm 0,09% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 58,75 ha;

+ Diện tích giảm 0,13 ha do chuyển qua đất sinh hoạt cộng đồng (nhà sinh hoạt cộng đồng bản Cao Lạng và bản Tân Lập xã Đăk Găn).

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 65,17. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 6,42, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:

+ Kế hoạch năm 2023 diện tích là 13,34 ha, giảm 0,94 ha so với hiện trạng và chiếm 0,02% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 13,34 ha;

+ Diện tích giảm 0,02 ha do chuyển qua đất xây dựng cơ sở y tế, giảm 0,92 ha do chuyển qua đất ở tại đô thị.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 19,71. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 6,37, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất công trình năng lượng:

+ Kế hoạch năm 2023 diện tích là 35,34 ha, tăng 0,70 ha so với hiện trạng và chiếm 0,10% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 34,64 ha;

+ Diện tích tăng 0,70 ha do chuyển từ đất trồng cây lâu năm, thực hiện dự án hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110KV Krông Nô trên địa bàn xã Đăk R'la).

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 302,55. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 233,11, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất bưu chính viễn thông:

+ Kế hoạch năm 2023 diện tích là 0,46 ha, giữ nguyên so với hiện trạng năm 2022;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 0,46. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 bằng với chỉ tiêu quy hoạch, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất bãi thải, xử lý chất thải:

+ Kế hoạch năm 2023 diện tích là 16,16 ha, tăng 10,19 ha so với hiện trạng năm 2022 và chiếm 0,02% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 3,97 ha;

+ Diện tích tăng 12,19 ha do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 2,0 ha, đất trồng cây lâu năm 8,19 ha (thực hiện dự án Nhà máy xử lý và tái chế chất thải rắn Đắc Mil, bãi rác xã Đắc N' Drot).

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 29,71. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 13,55, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất cơ sở tôn giáo:

+ Kế hoạch năm 2023 diện tích là 40,77 ha, tăng 0,67 ha so với hiện trạng năm 2022 và chiếm 0,06% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 40,10 ha;

+ Diện tích tăng 0,67 ha do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,67 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 42,50. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 1,73, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa:

+ Kế hoạch năm 2023 diện tích là 93,82 ha, giảm 0,13 ha so với hiện trạng năm 2022 và chiếm 0,14% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 93,82 ha;

+ Diện tích giảm 0,13 ha do chuyển qua đất sinh hoạt cộng đồng tại xã Đắc Gản (Đất sinh hoạt thôn Nam Định; thôn Tân Lợi).

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 95,58. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 1,76, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

- Đất chợ:

+ Kế hoạch năm 2023 diện tích là 4,15 ha, giảm 0,05 ha so với hiện trạng năm 2022 và chiếm 0,01% diện tích tự nhiên;

+ Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng: 4,15 ha;

+ Diện tích giảm 0,05 ha do chuyển qua đất sinh hoạt cộng đồng tại xã Đắc Gản (nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Sơn Thượng).

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 3,70. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 cao hơn 0,45, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất sinh hoạt cộng đồng**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 7,14 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích tự nhiên, tăng 0,5 ha so với hiện trạng năm 2022;

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 6,64 ha;

- Diện tích tăng 0,5 ha do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,19 ha, đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo 0,13 ha, đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 0,13, đất sinh hoạt cộng đồng 0,05 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 8,44. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 cao hơn 1,30, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất vui chơi, giải trí công cộng**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 12,06 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích tự nhiên, tăng 5,08 ha so với hiện trạng năm 2022;

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 6,98 ha;

- Diện tích tăng 5,08 ha do chuyển từ đất trồng cây lâu năm.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 47,44. Chỉ tiêu Kế hoạch năm

2023 thấp hơn 35,38, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất ở tại nông thôn**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 680,03 ha, chiếm 1,00% tổng diện tích tự nhiên, tăng 43,31 ha so với hiện trạng năm 2022;

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 632,49 ha;

- Diện tích giảm 1,73 ha để chuyển qua đất an ninh 0,01 ha, đất giao thông 2,14 ha, đất thủy lợi 0,10 ha;

- Diện tích tăng 45,80 ha do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 43,05 ha, đất trồng cây hàng năm khác 2,75 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 597,79. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 82,24, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất ở tại đô thị**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 68,05 ha, tăng 1,02 ha so với hiện trạng và chiếm 0,10% diện tích tự nhiên;

- Diện tích đất ở đô thị không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 66,89 ha;

- Diện tích giảm 0,18 ha do chuyển sang đất giao thông;

- Diện tích tăng 1,20 ha, do chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,40 ha, đất trồng cây lâu năm 0,80 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 406,33. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 338,28, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất xây dựng trụ sở cơ quan**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 14,48 ha, tăng 1,49 ha so với hiện trạng năm 2022 và chiếm 0,02% diện tích tự nhiên;

- Diện tích đất không thay đổi mục đích sử dụng so với hiện trạng 12,48 ha;

- Diện tích giảm 0,51 ha, do chuyển sang đất trụ sở công an xã (trụ sở công an xã Đắc Gắn 0,1, trụ sở công an xã Thuận An 0,07, trụ sở công an xã Đắc Lao 0,15 ha, đất xây dựng cơ sở y tế 0,19 ha).

- Diện tích tăng 2,0 ha, do chuyển từ đất trồng cây lâu năm 2,0 ha, để thực hiện trụ sở UBND xã Đức Minh.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 52,97. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 thấp hơn 38,49, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 4,60 ha, chiếm 0,01% diện tích tự nhiên, giữ nguyên hiện trạng;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 4,51. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 cao hơn 0,09, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất cơ sở tín ngưỡng**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 0,08 ha, giữ nguyên hiện trạng;

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 0,08. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 bằng chỉ tiêu quy hoạch, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

*** Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối**

- Kế hoạch năm 2023 diện tích là 1.031,89 ha, giảm 9,0 ha so với hiện trạng và

chiếm 1,52% diện tích tự nhiên;

- Diện tích giảm do chuyển sang đất giao thông 0,09 ha, đất thủy lợi 8,91 ha.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 443,25. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 cao hơn 588,64, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

2.2.3. Đất chưa sử dụng

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 diện tích đất chưa sử dụng 43,04 ha chiếm 0,06% diện tích tự nhiên, giảm 26,51 ha so với năm 2022. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong năm kế hoạch 2023 là 26,51 ha, bố trí sử dụng cho đất trồng cây lâu năm.

- Chỉ tiêu quy hoạch được duyệt đến năm 2030 là 20,16. Chỉ tiêu Kế hoạch năm 2023 cao hơn 22,89, phù hợp với quy hoạch được duyệt.

3.3. Tổng hợp kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Đắk Mil phân theo đơn vị hành chính

Căn cứ nhu cầu thực hiện các chương trình, các chương trình dự án đầu tư công... và nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong năm 2023. Tổng hợp và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất năm 2023 của huyện Đắk Mil phân bổ chi tiết đến từng đơn vị hành chính cấp xã như sau:

Bảng 3.2: Chỉ tiêu Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 cho từng đơn vị hành chính cấp xã

Đơn vị tính: ha

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích 2023	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đắk Mil	Xã Đắk Gằn	Xã Đắk Lao	Xã Đắk N'Drót	Xã Đắk R'La	Xã Đắk Sắk	Xã Đức Mạnh	Xã Đức Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
I	Tổng diện tích tự nhiên (1+2+3)		67.901,69	481,68	7.640,60	25.385,98	4.652,78	9.082,16	3.112,53	4.902,19	3.434,74	3.014,38	6.194,67
1	Đất nông nghiệp	NNP	62.835,50	236,42	7.003,00	24.387,04	4.377,28	8.478,98	2.778,61	4.451,55	2.903,63	2.799,34	5.419,64
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.119,02	0,14	108,84	-	49,05	65,41	192,47	114,74	370,80	97,98	119,58
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	710,26	-	-	-	-	-	91,26	105,84	350,01	50,46	112,70
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	3.904,58	5,87	499,85	108,67	504,74	2.300,68	3,14	202,18	23,13	226,51	29,82
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	37.263,08	222,87	6.309,01	4.372,86	3.777,68	5.796,72	2.553,04	4.091,81	2.473,46	2.455,39	5.210,24
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.408,29	-	-	2.408,29	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	17.504,13	2,67	11,29	17.429,75	-	22,61	-	23,99	-	-	13,82
	<i>Trong đó: Đất rừng SX là rừng TN</i>	<i>RSN</i>	17.419,05			17.364,37		22,61		19,19			12,87
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	232,73	4,87	28,59	49,93	29,14	19,17	26,68	14,48	27,15	3,80	28,91
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	403,78	-	45,43	17,55	16,66	274,38	3,28	4,36	9,09	15,66	17,37
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5.023,15	245,26	618,69	993,87	275,02	590,18	333,91	450,64	531,11	215,03	769,44
2.1	Đất quốc phòng	CQP	408,38	9,66	-	302,09	4,78	45,29	5,55	16,94	-	-	24,08
2.2	Đất an ninh	CAN	10,36	1,41	0,10	0,15	0,20	0,10	0,15	0,25	0,13	0,10	7,78
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	17,53	1,68	2,61	2,66	0,84	1,92	0,71	2,09	0,55	0,18	4,28
2.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	45,36	0,82	-	4,14	-	0,06	-	-	-	-	40,33

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích 2023	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đắk Mil	Xã Đắk Gản	Xã Đắk Lao	Xã Đắk N'Drót	Xã Đắk R'La	Xã Đắk Sắc	Xã Đức Mạnh	Xã Đức Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	3,42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3,42
2.7	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	97,80	-	20,70	11,68	8,38	21,91	5,00	4,97	-	21,66	3,50
2.8	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.597,47	141,55	334,41	353,12	147,91	287,12	181,61	231,75	351,59	123,03	434,72
-	Đất giao thông	DGT	1.378,17	49,93	153,12	207,31	104,53	157,19	104,20	172,54	147,70	69,35	212,30
-	Đất thủy lợi	DTL	940,74	68,08	157,22	132,88	26,93	109,75	38,61	29,60	169,49	13,65	194,52
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	2,78	2,70	-	0,05	-	-	-	-	-	-	0,03
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	7,10	1,60	0,18	0,23	0,28	0,22	0,21	0,32	0,10	0,28	3,68
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo	DGD	58,75	11,21	3,37	1,08	5,71	7,46	10,01	5,52	5,19	1,81	7,39
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	14,26	4,64	0,65	0,19	0,29	0,62	1,45	1,63	2,28	-	2,52
-	Đất cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	0,38	0,38	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất công trình năng lượng	DNL	35,34	-	2,39	-	-	0,98	-	-	-	31,97	-
-	Đất bưu chính viễn thông	DBV	0,46	0,20	0,02	-	0,06	0,04	0,02	0,09	-	-	0,02
-	Đất có di tích lịch sử văn hóa	DDT	4,60	-	-	0,25	-	-	4,35	-	-	-	-
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	16,16	-	2,00	11,10	2,00	0,56	0,50	-	-	-	-
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	40,77	0,63	1,47	-	1,77	2,11	10,18	6,52	14,68	-	3,41
-	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	93,82	2,26	13,62	9,78	6,34	7,53	11,11	15,11	11,48	5,97	10,61
-	Đất chợ	DCH	4,15	0,84	0,37	-	-	0,65	0,96	0,43	0,65	-	0,25
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	7,14	0,58	1,41	0,37	1,41	0,22	1,00	0,85	0,20	0,35	0,75
2.11	Đất vui chơi, giải trí công cộng	DKV	12,06	12,06	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.12	Đất ở tại nông thôn	ONT	680,03	-	54,69	67,89	46,82	65,37	95,96	104,77	133,35	15,82	95,36

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích 2023	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đắk Mil	Xã Đắk Gản	Xã Đắk Lao	Xã Đắk N'Drót	Xã Đắk R'La	Xã Đắk Sắk	Xã Đức Mạnh	Xã Đức Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.13	Đất ở tại đô thị	ODT	68,05	68,05	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.14	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	14,48	4,72	0,50	1,72	0,52	0,62	0,91	0,26	2,16	0,58	2,50
2.15	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	4,60	1,07	-	1,10	-	-	-	-	-	-	2,42
2.16	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,08	-	-	0,06	-	-	-	0,02	-	-	-
2.17	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.031,89	2,75	204,26	239,15	64,15	167,57	43,02	88,74	43,14	53,31	125,80
2.18	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất chưa sử dụng	CSD	43,05	-	18,91	5,06	0,49	12,99	-	-	-	-	5,59

3.4. Diện tích các loại đất cần chuyển mục đích

Trong năm kế hoạch sử dụng đất 2023 diện tích các loại đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp là 511,42 ha. Cụ thể diện tích các loại đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp tại các xã như sau:

- Đất trồng lúa chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp: 9,02 ha. (trong đó đất chuyên trồng lúa nước 1,69 ha);
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp: 27,60 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển mục đích sang đất phi nông nghiệp: 468,45 ha.
- Đất rừng sản xuất chuyển qua đất phi nông nghiệp: 4,90 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản chuyển qua đất phi nông nghiệp: 1,45 ha.

(Đơn vị tính: ha)

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đăk Mil	Xã Đăk Găn	Xã Đăk Lao	Xã Đăk N'Drôt	Xã Đăk R'La	Xã Đăk Săk	Xã Đăk Mạnh	Xã Đăk Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN	511,42	16,84	137,43	39,53	23,07	148,81	13,34	24,82	32,02	15,60	59,96
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	9,02	-	1,10	-	-	6,13	-	-	1,69	0,10	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC/PNN</i>	1,69	-	-	-	-	-	-	-	1,69	-	-
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	27,60	0,70	10,55	0,30	3,77	0,39	0,50	0,50	1,22	7,10	2,57
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	468,45	16,11	125,40	34,43	19,30	141,40	12,84	24,27	29,11	8,40	57,19
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	4,90	-	-	4,80	-	-	-	-	-	-	0,10
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN	1,45	0,03	0,38	-	-	0,89	-	0,05	-	-	0,10
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

3.5. Diện tích đất cần thu hồi

Diện tích đất cần thu hồi trong năm 2023 để thực hiện các công trình, dự án là 393,60 ha với 42 công trình dự án. Trong đó:
+ Công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai 2013: 32 công trình dự án với tổng

diện tích 344,93 ha (Trong đó: công trình dự án đã được thông qua tại Nghị quyết 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đắk Nông là 30 công trình dự án với diện tích 334,93 ha; 02 công trình dự án chưa được HĐND tỉnh thông qua đề nghị bổ sung với diện tích 10 ha);

+ Công trình dự án thu hồi đất theo quy định tại Điều 61 của Luật Đất đai 2013: 10 công trình dự án với diện tích 48,67 ha (công trình an ninh, quốc phòng).

Diện tích các loại đất cần thu hồi: Thu hồi đất trồng lúa 9,02 ha, đất trồng cây hàng năm 17,45 ha, đất trồng cây lâu năm 345,43 ha, đất rừng sản xuất 4,80 ha, đất nuôi trồng thủy sản 1,45 ha; đất giao thông 3,78 ha, đất ở tại nông thôn 2,49 ha, đất ở tại đô thị 0,18 ha, đất sông ngòi, kênh rạch, suối 9,00 ha. Diện tích các loại đất cần thu hồi trong năm 2023 được phân bổ theo từng xã, thị trấn như sau:

(Đơn vị tính: ha)

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đăk Mil	Xã Đăk Gănn	Xã Đăk Lao	Xã Đăk N'Drôt	Xã Đăk R'La	Xã Đăk Săk	Xã Đăc Mạnh	Xã Đăc Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+.. ..+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	TỔNG DIỆN TÍCH		393,60	10,74	118,04	36,72	11,97	140,55	3,34	24,05	27,51	0,10	20,58
1	Đất nông nghiệp	NNP	378,15	10,56	112,26	36,49	11,87	134,90	3,34	21,57	27,02	0,10	20,04
	<i>Trong đó:</i>												
1.1	Đất trồng lúa	LUA	9,02	-	1,10	-	-	6,13	-	-	1,69	0,10	-
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>1,69</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>1,69</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	17,45	0,30	10,05	-	3,67	0,19	-	-	1,17	-	2,07
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	345,43	10,23	100,73	31,69	8,20	127,69	3,34	21,52	24,16	-	17,87
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	4,80	-	-	4,80	-	-	-	-	-	-	-
1.5	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	1,45	0,03	0,38	-	-	0,89	-	0,05	-	-	0,10
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	15,45	0,18	5,78	0,23	0,10	5,65	-	2,48	0,49	-	0,54

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Tổng diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Đăk Mil	Xã Đăk Găn	Xã Đăk Lao	Xã Đăk N'Drôt	Xã Đăk R'La	Xã Đăk Săk	Xã Đăc Mạnh	Xã Đăc Minh	Xã Long Sơn	Xã Thuận An
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+.. ..+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.1	Đất phát triển hạ tầng	DHT	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
-	Đất giao thông	DGT	3,78	-	2,56	-	-	1,22	-	-	-	-	-
2.2	Đất ở tại nông thôn	ONT	2,49	-	0,10	0,08	0,10	0,01	-	1,26	0,46	-	0,48
2.3	Đất ở tại đô thị	ODT	0,18	0,18	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối	SON	9,00	-	3,12	0,15	-	4,42	-	1,22	0,03	-	0,06

Bảng 3.4.1: Danh mục công trình dự án khi thực hiện phải thu hồi đất

STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
	Tổng cộng: 42 danh mục			393,60		
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh			48,67		
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2022			47,50		
1	Thao trường huấn luyện huyện Đăk Mil	Ban CHQS huyện Đăk Mil	CQP	42,00	Xã Đăk R'La	
2	Đồn Biên Phòng Cửa Khẩu (nhà làm việc đội công tác)	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh Đăk Nông	CQP	0,01	Xã Thuận An	
3	Căn cứ chiến đấu	Ban CHQS huyện Đăk Mil	CQP	4,80	Xã Đăk Lao	
4	Trụ sở công an xã Đăk N'Drot	Nghành Công an	CAN	0,14	Xã Đăk N'Drot	
5	Trụ sở công an xã Đức Minh	Nghành Công an	CAN	0,13	Xã Đức Minh	
6	Đất trụ sở công an xã Long Sơn	Nghành Công an	CAN	0,10	Xã Long Sơn	
7	Trụ sở công an xã Đăk R'La	Nghành Công an	CAN	0,10	Xã Đăk R'La	
8	Trụ sở công an xã Đăk Săk	Nghành Công an	CAN	0,15	Xã Đăk Săk	
B	Dự án mới năm 2023			1,17		
9	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đăk Mil	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đăk Nông	CQP	0,70	Xã Thuận An	QĐ số 2114/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Đăk Nông
10	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đăk Lao, huyện Đăk Mil		CQP	0,20	Xã Đăk Lao	
II	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất			344,93		
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2022			304,40		
1	Hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DTC	6,70	Xã Đức Minh	Nghị quyết 64/NQ-HDND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đăk Nông
2	Hồ Đăk Klo Ou, xã Đăk Lao	Sở Nông nghiệp và PTNT	DTL	15,25	Xã Đăk Lao	
3	Nâng cấp các trục đường giao thông chính TT Đăk Mil	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	1,95	TT Đăk Mil	
4	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Vĩa hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14)	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	3,49	Thị trấn Đăk Mil, xã Thuận An	

STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
5	Sửa chữa đường Nguyễn Tri Phương - Hai Bà Trưng (Giai đoạn 2)	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	0,78	Thị trấn Đắk Mil	
6	Đường giao thông từ xã Đức Minh đi Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (Đ16)	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	4,63	Thị trấn Đắk Mil, Xã Đức Minh, Đức Mạnh	
7	Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1)	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	4,80	Xã Đức Minh và xã Thuận An	
8	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	3,90	Xã Đức Minh, xã Thuận An	
9	Tiểu Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT, DTL	27,10	Thị trấn Đắk Mil; xã Thuận An, xã Đức Mạnh, xã Đắk Lao	
10	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2	Ban QLDA tỉnh	DGT	5,60	xã Đức Minh, Đắk Sắk, Đức Mạnh	
11	Đường giao thông liên xã Đắk R'la đi xã Đắk N'Drot, huyện Đắk Mil	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	6,30	Xã Đắk R'La, xã Đắk N'Dot	
12	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 3	Ban QLDA tỉnh	DGT	3,62	Xã Đức Minh	
13	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đắk Sắk (từ QL 14 đi tỉnh lộ 682)	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	1,50	Xã Đức Minh, xã Đức Mạnh, Đắk Sắk	
14	Trục đường còn lại của Hoa viên khu dân cư tổ dân phố 13	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	0,20	Thị trấn Đắk Mil	
15	Đường GT từ Bán Cao Lạng đi Nam Xuân Krông Nô (ĐH11-A)	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	0,50	Xã Đắk Gằn	
16	Dự án Hồ suối 38, tỉnh Đắk Nông	Sở Nông nghiệp và PTNT	DTL	29,00	Xã Đắk R'La	
17	Hồ Đắk Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1)		DTL	184,6	Xã Đắk R'La, Xã Đắk Gằn	
18	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110KV Krông Nô	Công ty điện lực	DNL	0,10	Xã Đắk R'La	
19	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	TSC	2,00	Xã Đức Minh	

STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	Mã loại đất	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
20	Bãi rác xã Đăk N'Drot	UBND xã	DRA	2,00	Xã Đăk N'Drot	
B	Dự án mới năm 2023			40,53		
21	Đường từ đường Lê Duẩn đi Trụ sở UBND xã Đức Minh mới (Giai đoạn 1)	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	4,50	Xã Đức Minh	Nghị quyết 64/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh Đăk Nông
22	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường nối từ đường Trần Phú đi QL 14C	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	0,50	Xã Đăk Lao	
23	Đường từ QL 14 đi qua Trung tâm hành chính mới đi Tinh lộ 683	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	5,40	Xã Thuận An	
24	Đường Lê Lợi	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	0,67	TT Đăk Mil, Xã Đăk Lao	
25	Dự án định canh, định cư tập trung xã Đăk R'La, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	ONT; DGT	2,34	xã Đăk R'La	
26	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đăk Săk và bon Đăk Mâm, xã Đăk Săk, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	ONT; DGT	2,5	xã Đăk săk	
27	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đăk Láp, xã Đăk Gắn và Bon Jun Juh, xã Đức Minh, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	ONT; DGT	1,98	xã Đăk Gắn, xã Đức Minh	
28	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trãi	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	1,73	Thị trấn Đăk Mil	
29	Đường từ Quốc lộ 14 nối đường liên xã Đức Minh - Thuận An (Giai đoạn 1)	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	1,12	Xã Đức Minh, xã Thuận An	
30	Nhà máy xử lý và tái chế chất thải rắn Đăk Mil		DRA	8,19	Xã Đăk Lao	
31	Dự án ổn định dân di cư tự do xã Đăk N'Drôt		DGT	1,00	Xã Đăk N'Drot	
32	Dự án trạm biến áp 110kV Đăk Mil 2 và đường dây 110kv			0,60	xã Đăk R'La	
33	Hạ tầng khu dân cư số 1	UBND huyện	ONT	5,00	Xã Đăk Gắn	Chưa được HĐND tỉnh thông qua
34	Hạ tầng khu dân cư số 2	UBND huyện	ONT	5,00	Xã Đăk N'Drot	

3.6. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng 26,51 ha, tại xã Đăk Gắn là 9,91 ha, xã Đăk R'La là 16,59 ha sử dụng từ mục đích đất trồng cây lâu năm.

3.7. Công trình, dự án thu hút đầu tư năm kế hoạch 2023

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện xác định hạng mục công trình, dự án để kêu gọi và thu hút đầu tư với 9 công trình dự án, tổng diện tích 112,70 ha, gồm có:

Bảng 3.5: Danh mục công trình, dự án kêu gọi và thu hút đầu tư năm 2023

STT	Hạng Mục	MĐSD	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
	Tổng cộng: 11 công trình dự án		118,50	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2022		11,28	
1	Cơ sở giáo dục tư thục	DGD	2,47	Xã Đăk Lao
2	Trung tâm trung bày, chăm sóc ô tô và dịch vụ nhà hàng, khách sạn	TMD	0,81	TT Đăk Mil
3	Kêu gọi đầu tư thương mại dịch vụ (đất QH Bệnh viện Nam Tây Nguyên cũ)	TMD;ONT	8,00	Xã Đăk Lao
B	Dự án mới năm 2023		107,22	
1	Nhà máy chế biến sâu nông sản, trái cây công nghệ cao, kho dự trữ, bảo quản thành phẩm, bãi tập kết nguyên liệu	SKC	16,90	Xã Đăk Săk
2	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao kết hợp thương mại dịch vụ và khu dân cư	DTT; ODT;DGT;TMD	38,67	TT Đăk Mil
3	Hạ tầng khu thương mại - dịch vụ, dân cư số 1	TMD;DGT; DYT;DKV; ONT,ODT;TSC;DSH	35,43	Xã Đăk Lao, thị trấn Đăk Mil
4	Cơ sở giáo dục tư thục	DGD	1,01	TT Đăk Mil
5	Nhà máy xử lý và tái chế chất thải rắn Đăk Mil	DRA	8,19	Xã Đăk Lao
6	Trung tâm thương mại (Bệnh viện cũ)	TMD	1,22	TT Đăk Mil
7	Trung tâm bảo quản nông nghiệp CNC Thuận An		5,80	Xã Thuận An

3.8. Công trình, dự án đấu giá quyền sử dụng đất.

Trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện xác định 8 hạng mục đấu giá quyền sử dụng đất với diện tích 1,33 ha, gồm có:

Bảng 3.6: Các hạng mục đấu giá quyền sử dụng đất năm 2023

STT	Công trình dự án	Mã loại đất	Diện tích	Địa điểm
	Các công trình đấu giá quyền sử dụng đất		1,33	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2022		1,10	
1	Khu đất dự trữ số 5 dự án Quảng trường huyện Đăk Mil	ODT	0,18	TT Đăk Mil
2	Khu đất sau trường Trần Hưng Đạo	ODT	0,12	TT Đăk Mil
	Dự án mới năm 2023		0,10	
3	Thửa đất công phụ khu gia binh tiểu đoàn 301	ODT	0,01	TT Đăk Mil
4	Thửa đất giáp đường Văn Tiến Dũng, và đường Xuân Diệu khu gia binh	ODT	0,02	TT Đăk Mil

STT	Công trình dự án	Mã loại đất	Diện tích	Địa điểm
5	05 thửa đất còn lại khu tái định cư Nguyễn Đình Chiểu (TDP12 cũ)	ODT	0,07	TT Đăk Mil

3.9. Danh mục các công trình, dự án, nhu cầu chuyển mục đích, giao đất trong năm kế hoạch 2023

Chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chưa thực hiện hết nhưng phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2023. Đồng thời bổ sung một số chỉ tiêu phù hợp với kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện để thực hiện trong năm 2023. Tổng danh mục công trình, dự án dự kiến thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023 trên địa bàn huyện là 66 công trình, dự án trong đó: Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022 chưa thực hiện chuyển sang kế hoạch sử dụng đất năm 2023 là 44 công trình và Nhu cầu sử dụng đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện đăng ký mới trong năm 2023 là 22 công trình.

STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	MĐSD	Diện tích (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)
1	Công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh			387,23	
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh			51,14	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2022			49,06	
1	Thao trường huấn luyện huyện Đăk Mil	Ban CHQS huyện Đăk Mil	CQP	42,00	Xã Đăk R'La
2	Đồn Biên Phòng Cửa Khẩu (nhà làm việc đội công tác)	Bộ Chỉ huy Biên phòng tỉnh Đăk Nông	CQP	0,01	Xã Thuận An
3	Căn cứ chiến đấu	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đăk Nông	CQP	4,80	Xã Đăk Lao
4	Trụ sở công an xã Đăk N'Drot	BQLDA PTQĐ huyện Đăk Mil	CAN	0,20	Xã Đăk N'Drot
5	Trụ sở công an xã Đức Minh	BQLDA PTQĐ huyện Đăk Mil	CAN	0,13	Xã Đức Minh
6	Đất trụ sở công an xã Long Sơn	BQLDA PTQĐ huyện Đăk Mil	CAN	0,10	Xã Long Sơn
7	Trụ sở công an xã Đăk R'La	BQLDA PTQĐ huyện Đăk Mil	CAN	0,10	Xã Đăk R'La
8	Trụ sở công an xã Đăk Săk	BQLDA PTQĐ huyện Đăk Mil	CAN	0,15	Xã Đăk Săk
9	Trụ sở công an xã Thuận An	BQLDA PTQĐ huyện Đăk Mil	CAN	0,14	Xã Thuận An

STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	MĐSD	Diện	Địa điểm (đến)
10	Trụ sở công an xã Đức Mạnh	BQLDA PTQĐ huyện Đắk Mil	CAN	0,25	Xã Đức Mạnh
11	Trụ sở công an xã Đắk Găn	BQLDA PTQĐ huyện Đắk Mil	CAN	0,10	Xã Đắk Găn
12	Trụ sở công an xã Đắk Lao	BQLDA PTQĐ huyện Đắk Mil	CAN	0,15	Xã Đắk Lao
13	Trụ sở Công an PCCC	Nghành Công an	CAN	0,93	Xã Thuận An
B	Dự án mới năm 2023			0,90	
14	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Thuận An, huyện Đắk Mil	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Nông	CQP	0,87	Xã Thuận An
15	Chốt chiến đấu Dân quân thường trực tại xã biên giới Đắk Lao, huyện Đắk Mil		CQP	0,30	Xã Đắk Lao
16	Công trình quốc phòng		CQP	0,91	Xã Đắk Lao; Xã Thuận An; Xã Đắk N'Drot; Xã Đắk R'La
2	Các công trình dự án còn lại				
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất			336,36	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2022			304,02	
1	Hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DTC	6,70	Xã Đức Minh
2	Hồ Đắk Klo Ou, xã Đắk Lao	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DTL	15,25	Xã Đắk Lao
3	Tiểu Dự án nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	27,10	Thị trấn Đắk Mil; xã Thuận An, xã Đức Minh, xã Đắk Lao
4	Nâng cấp các trục đường giao thông chính TT Đắk Mil	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	1,95	TT Đắk Mil
5	Đường vành đai Hồ Tây (Giai đoạn 2); hạng mục: Vĩa hè, thoát nước, điện chiếu sáng (từ đường Nguyễn Du đến đường đi QL 14)	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	3,49	Thị trấn Đắk Mil, xã Thuận An
6	Sửa chữa đường Nguyễn Tri Phương - Hai Bà Trưng (Giai đoạn 2)	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	0,78	Thị trấn Đắk Mil
7	Đường giao thông từ xã Đức Minh đi Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (Đ16)	BQLDA và PTQĐ huyện Đắk Mil	DGT	4,63	Thị trấn Đắk Mil, Xã Đức Minh, Đức Mạnh

STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	MĐSD	Diện	Địa điểm (đến)
8	Đường giao thông từ cửa khẩu Đăk Per, Xã Thuận An đi Tỉnh lộ 3 (ĐT683) xã Đức Minh, huyện Đăk Mil (giai đoạn 1)	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	4,80	Xã Đức Minh và xã Thuận An
9	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đăk Mil	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	3,90	Xã Đức Minh, xã Thuận An
10	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 2	Ban QLDA tỉnh	DGT	5,60	xã Đức Minh, Đăk Săk, Đức Mạnh
11	Đường giao thông liên xã Đăk R'la đi xã Đăk N'Drot, huyện Đăk Mil	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	6,30	Xã Đăk R'La, xã Đăk N'Dot
12	Dự án cải tạo, nâng cấp tỉnh lộ 3	Ban QLDA tỉnh	DGT	3,62	Xã Đức Minh
13	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đăk Săk (từ QL 14 đi tỉnh lộ 682)	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	1,50	Xã Đức Minh, xã Đức Mạnh, Đăk Săk
14	Trục đường còn lại của Hoa viên khu dân cư tổ dân phố 5	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	0,20	Thị trấn Đăk Mil
15	Đường GT từ Bàn Cao Lạng đi Nam Xuân Krông Nô (ĐH11-A)	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	0,50	Xã Đăk Găn
16	Dự án Hồ suối 38, tỉnh Đăk Nông	Sở Nông nghiệp và PTNT	DTL	29,00	Xã Đăk R'La
17	Hồ Đăk Gang (Hồ và hệ thống kênh sau lưu vực 1)		DTL	184,60	Xã Đăk R'La, Xã Đăk Găn
18	Hoàn thiện lưới điện trung áp sau TBA 110KV Krông Nô	Công ty điện lực	DNL	0,10	Xã Đăk R'La
19	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	TSC	2,00	Xã Đức Minh
20	Bãi rác xã Đăk N'Drot	UBND xã	DRA	2,00	Xã Đăk N'Drot
B	Dự án mới năm 2023			32,34	
21	Đường từ đường Lê Duẩn đi Trụ sở UBND xã Đức Minh mới (Giai đoạn 1)	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	4,50	Xã Đức Minh
22	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường nối từ đường Trần Phú đi QL 14C	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	0,50	Xã Đăk Lao
23	Đường từ QL 14 đi qua Trung tâm hành chính mới đi Tỉnh lộ 683	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	5,40	Xã Thuận An
24	Đường Lê Lợi	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	0,67	TT Đăk Mil, Xã Đăk Lao
25	Dự án định canh, định cư tập trung xã Đăk R'La, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	ONT;D GT	2,34	xã Đăk R'La

STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	MĐSD	Diện	Địa điểm (đến)
26	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đăk Săk và bon Đăk Mâm, xã Đăk Săk, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	ONT;D GT	2,50	xã Đăk săk
27	Dự án ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn bon Đăk Láp, xã Đăk Gắn và Bon Jun Juh, xã Đức Minh, huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	ONT;D GT	1,98	xã Đăk Gắn, xã Đức Minh
28	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Trãi	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	1,73	Thị trấn Đăk Mil
29	Đường từ Quốc lộ 14 nối đường liên xã Đức Minh - Thuận An (Giai đoạn 1)	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	1,12	Xã Đức Minh, xã Thuận An
30	Dự án ổn định dân cư tự do xã Đăk N'Drôt		DGT	1,00	Xã Đăk N'Drot
31	Dự án trạm biến áp 110kV Đăk Mil 2 và đường dây 110kV		DNL	0,60	xã Đăk R'La
32	Hạ tầng khu dân cư số 1	UBND huyện	ONT	5,00	Xã Đăk Gắn
33	Hạ tầng khu dân cư số 2	UBND huyện	ONT	5,00	Xã Đăk N'Drot
2.2	Công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất			337,90	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2022			370,60	
1	Hạ tầng khu thương mại, dịch vụ và dân cư	UBND huyện	DTC	8,38	Xã Đức Minh
2	Các trục đường nội đồng vùng sản xuất xoài xã Đăk Gắn	BQLDA và PTQĐ huyện Đăk Mil	DGT	0,50	Xã Đăk Gắn
3	Đất thương mại dịch vụ Xã Đăk N'Drot	Hộ gia đình, cá nhân	TMD	0,10	Xã Đăk N'Drot
4	Mở rộng cây xăng Nam Tây Nguyên	Doanh nghiệp	TMD	0,87	Xã Đăk Gắn
5	Đất nông nghiệp khác tại xã Đăk R'La	Hộ gia đình, cá nhân	NKH	219,09	Xã Đăk R'La
6	Đất nông nghiệp khác tại xã Long Sơn	Hộ gia đình, cá nhân	NKH	5,20	Xã Long Sơn
7	Đất nông nghiệp khác tại xã Đăk Gắn	Hộ gia đình, cá nhân	NKH	4,60	Xã Đăk Gắn
8	Nhà văn hoá Nam Định	UBND xã Đăk Gắn	DSH	0,10	Xã Đăk Gắn
9	Nhà văn hoá thôn Sơn Thượng	UBND xã Đăk Gắn	DSH	0,05	Xã Đăk Gắn
10	Nhà văn hoá bản Cao Lạng	UBND xã Đăk Gắn	DSH	0,10	Xã Đăk Gắn
11	Nhà văn hoá bản Tân Lập	UBND xã Đăk Gắn	DSH	0,03	Xã Đăk Gắn
12	Nhà văn hoá Tân Lợi	UBND xã Đăk Gắn	DSH	0,03	Xã Đăk Gắn

STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	MĐSD	Diện	Địa điểm (đến)
13	Nhà văn hoá Thăng lợi	UBND xã Đăk Gắn	DSH	0,10	Xã Đăk Gắn
14	Hội trường thôn 2	Ban quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã	DSH	0,04	Xã Đăk N'Drot
15	Hội trường thôn Thuận Hòa	Ban quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia xã	DSH	0,05	Xã Thuận An
16	CĐMĐ sử dụng đất đất tôn giáo tại GX Xuân Hòa	Tổ chức tôn giáo	TON	0,50	Xã Đức Minh
17	CĐMĐ sử dụng đất đất tôn giáo Tu Tráp bon SaPa	Tổ chức tôn giáo	TON	0,17	Xã Thuận An
18	Đất phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm xã Đăk Gắn	UBND xã	SKX	20,70	Xã Đăk Gắn
19	Đất phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm xã Đăk R'La	UBND xã	SKX	10,90	Xã Đăk R'La
20	Đất phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm xã Đăk Săk	UBND xã	SKX	5,00	Xã Đăk Săk
21	Đất phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm xã Thuận An	UBND xã	SKX	3,50	Xã Thuận An
22	Đất phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm xã Long Sơn	UBND xã	SKX	14,00	Xã Long Sơn
23	Đất phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm xã Đăk N'Drot	UBND xã	SKX	8,38	Xã Đăk N'Drot
24	Trạm y tế thị trấn Đăk Mil	UBND Thị trấn	DYT	0,19	Thị trấn Đăk Mil
25	Mở rộng trạm y tế xã Đăk R'La	UBND xã Đăk R'La	DYT	0,02	Xã Đăk R'La
26	Trung tâm OCOP và điểm dừng chân huyện Đăk Mil (Giai đoạn 1)		TMD	5,00	Xã Đăk N'Drot
B	Dự án mới năm 2023			30,30	
1	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở nông thôn nhu cầu hộ gia đình, các nhân tại các xã			29,50	
1.1	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại xã Đăk Gắn	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	3,00	Xã Đăk Gắn
1.2	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại xã Đăk R'La	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	3,00	Xã Đăk R'La
1.3	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại xã Đăk N'Drot	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	2,00	Xã Đăk N'Drot
1.4	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại xã Đức Minh	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	3,00	Xã Đức Minh
1.5	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại nông thôn	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	6,00	Xã Thuận An
1.6	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại xã Đăk Lao	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	3,00	Xã Đăk Lao
1.7	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại xã Long Sơn	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	1,50	Xã Long Sơn

STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	MĐSD	Diện	Địa điểm (đến)
1.8	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại xã Đức Mạnh	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	3,00	Xã Đức Mạnh
1.9	Đất ở nông thôn, chuyển mục đích đất ở tại xã Đăk Săk	Hộ gia đình, cá nhân	ONT	5,00	Xã Đăk Săk
2	Chuyển mục đích đất nông nghiệp sang đất ở đô thị nhu cầu hộ gia đình, các nhân tại thị trấn Đăk Mil	Hộ gia đình, cá nhân	ODT	0,80	TT Đăk Mil
2.3	Các công trình đấu giá quyền sử dụng đất			1,33	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2022			0,31	
1	Khu đất dự trữ số 5 dự án Quảng trường huyện Đăk Mil		ODT	0,18	TT Đăk Mil
2	Khu đất sau trường Trần Hưng Đạo		ODT	0,12	TT Đăk Mil
B	Dự án mới năm 2023			0,10	
4	Thửa đất công phụ khu gia binh tiểu đoàn 301		ODT	0,01	TT Đăk Mil
5	Thửa đất giáp đường Văn Tiến Dũng, và đường Xuân Diệu khu gia binh		ODT	0,02	TT Đăk Mil
6	05 thửa đất còn lại khu tái định cư Nguyễn Đình Chiểu (TDP12 cũ)		ODT	0,07	TT Đăk Mil
2.4	Các công trình kêu gọi đầu tư			118,50	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2022			11,28	
1	Cơ sở giáo dục tư thục	Kêu gọi đầu tư	DGD	2,47	Xã Đăk Lao
2	Trung tâm trưng bày, chăm sóc ô tô và dịch vụ nhà hàng, khách sạn	Kêu gọi đầu tư	TMD	0,81	TT Đăk Mil
3	Kêu gọi đầu tư thương mại dịch vụ (đất QH Bệnh viện Nam Tây Nguyên cũ)	Kêu gọi đầu tư	TMD;ONT	8,00	Xã Đăk Lao
B	Dự án mới năm 2023			107,22	
1	Nhà máy chế biến sâu nông sản, trái cây công nghệ cao, kho dự trữ, bảo quản thành phẩm, bãi tập kết nguyên liệu	Kêu gọi đầu tư	SKC	16,90	Xã Đăk Săk
2	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao kết hợp thương mại dịch vụ và khu dân cư	Kêu gọi đầu tư	DTC	38,67	TT Đăk Mil
3	Hạ tầng khu thương mại - dịch vụ, dân cư số 1	Kêu gọi đầu tư	DTC	35,43	Xã Đăk Lao, thị trấn Đăk Mil
4	Cơ sở giáo dục tư thục	Kêu gọi đầu tư	DGD	1,01	TT Đăk Mil
5	Nhà máy xử lý và tái chế chất thải rắn Đăk Mil	Kêu gọi đầu tư	DRA	8,19	Xã Đăk Lao

STT	Hạng Mục	Chủ đầu tư	MĐSD	Diện	Địa điểm (đến)
6	Trung tâm thương mại (Bệnh viện cũ)	Kêu gọi đầu tư	TMD	1,22	TT Đắc Mil
7	Trung tâm bảo quản nông nghiệp CNC Thuận An		SKC	5,80	Xã Thuận An
2.5	Các khu vực sử dụng đất khác			40,47	
A	Dự án chuyển tiếp từ năm 2022			40,47	
1	Đất chưa sử dụng chuyển qua đất cây lâu năm	Hộ gia đình, cá nhân	CLN	26,51	Xã Đắc Gắn, xã Đắc R'La
2	Giao đất, giao rừng	UBND huyện	RSX	13,96	Xã Thuận An
	Công trình giao đất				
1	Giáo họ Bình Thuận	Tổ chức tôn giáo	TON	0,28	Xã Đức Mạnh
2	Miếu Cô	Tổ chức tôn giáo	TON	0,08	Xã Đắc Lao
3	Điểm nhóm Tin Lành Năm Tầng	Tổ chức tôn giáo	TON	0,25	Xã Đắc N'Drot
4	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ công trình thủy lợi trên địa bàn Huyện Đắc Mil (Nhà quản lý thị trấn)	Công ty TNHH quản lý và Khai thác công trình thủy lợi	TSC	0,08	TT Đắc Mil
5	Phân hiệu trường Măng Non	Trường học	DGD	0,19	Xã Đắc N'Drot
6	Phân hiệu trường Hà Huy Tập (thôn 6)	Trường học	DGD	0,63	Xã Đắc N'Drot
7	Nhà sinh hoạt thôn Bắc Sơn	UBND xã	DSH	0,13	Xã Đắc Gắn
8	Nhà sinh hoạt tổ dân phố 3	UBND xã	DSH	0,03	TT Đắc Mil
9	Mở rộng trường tiểu học Bi Năng Tắc	Trường học	DGD	0,08	Xã Đắc Gắn
10	Điểm chốt dân quân xã Đắc Lao	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đắc Nông	CQP	0,80	Xã Đắc Lao
11	Điểm chốt dân quân xã Thuận An		CQP	0,80	Xã Thuận An

3.10. Dự kiến các khoản thu, chi liên quan đến đất đai trong năm Kế hoạch sử dụng đất năm 2023

3.10.1. Cơ sở tính toán

Cơ sở để tính toán nguồn thu, chi do chuyển mục đích sử dụng đất trong năm 2023 được dựa vào các căn cứ sau:

- Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ

Quy định về thu tiền sử dụng đất; Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014, quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP; Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP;

- Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND, ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Ban hành Quy định Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

- Căn cứ bảng giá bồi thường thiệt hại về hoa màu, cây cối, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh khi Nhà nước thu hồi đất; căn cứ những chính sách ưu đãi của Nhà nước, của tỉnh đối với những doanh nghiệp thuê đất để đầu tư sản xuất kinh doanh,...

3.10.2. Phương pháp tính toán

* Đối với các khoản thu:

- Thu tiền khi giao đất ở đô thị.
- Thu tiền khi giao đất ở nông thôn.
- *Thu tiền đấu giá quyền sử dụng đất.*

* Đối với các khoản chi:

Chi bồi thường khi thu hồi đất để chuyển sang mục đích sử dụng khác phải bồi thường bao gồm các hạng mục sau:

- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng lúa;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây hàng năm khác;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất nuôi trồng thủy sản;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất trồng cây lâu năm;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở đô thị;
- Chi bồi thường khi thu hồi đất ở nông thôn;

* Về giá các loại đất:

Lấy theo đơn giá đất được ban hành kèm theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND, ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Ban hành Quy định Bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

* Về mức chi bồi thường khi thu hồi đất:

Theo cơ chế bồi thường về đất đai khi Nhà nước thu hồi đất, hỗ trợ về chi phí đầu tư vào đất, tài sản trên đất và các hỗ trợ khác trong quá trình giải phóng mặt bằng các dự án...

Chi tính đền bù đối với các diện tích thu hồi của các loại đất nông nghiệp,

đất ở đô thị, đất ở nông thôn và đất chuyên dùng (không kể các loại đất giao thông, đất sông suối).

3.10.3. Dự tính các khoản thu, chi liên quan đến đất đai năm 2022

- Tổng nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất: 265.00 tỷ đồng.

- Tổng chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư,...: 25.84 tỷ đồng

- Cân đối: 239.16 tỷ đồng (thu vượt chi).

Tuy nhiên, để giảm bớt gánh nặng ngân sách trong việc bồi thường khi thu hồi đất, huyện Đắk Mil cần tiếp tục thực hiện chính sách vận động nhân dân hiến đất để xây dựng các công trình dự án, nhất là chương trình xây dựng nông thôn mới.

Việc xác định các khoản thu, chi nêu trên chỉ là tương đối và phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan, các khoản chi bồi thường thực tế tính theo từng dự án cụ thể khi triển khai lập dự án khả thi.

PHẦN THỨ BA

CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Để kế hoạch sử dụng đất có tính khả thi cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng đất và hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện trong năm 2023 Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2023 được UBND tỉnh phê duyệt, cần phải thực hiện các giải pháp như sau:

3.1. Giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý đất rừng phòng hộ, rừng tự nhiên sản xuất. Khuyến khích các công ty, doanh nghiệp, cá nhân trồng và chăm sóc rừng nhằm tăng mật độ che phủ, hạn chế xói mòn, rửa trôi, sạt lở đất.

- Trong kế hoạch thực hiện chuyển đổi nội bộ trong đất nông nghiệp từ đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác của các tổ chức, hộ gia đình cá nhân để thực hiện các dự án, trang trại (trồng trọt, chăn nuôi). Cần kiểm soát chặt chẽ theo quy định về Luật chăn nuôi, Luật môi trường, tuân thủ theo ranh giới quy hoạch; tăng cường thanh tra, kiểm tra xử lý các cơ sở xả chất thải ô nhiễm ra môi trường.như: các cơ sở sản xuất, trang trại chăn nuôi.

- Khai thác hợp lý các nguồn tài nguyên thiên nhiên, tích cực trồng cây xanh, xử lý nghiêm các hành vi san ủi đồi núi dốc, hủy hoại môi trường sinh thái.

- Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, các công trình xây dựng trên địa bàn huyện; Ứng dụng các quy trình, giải pháp kỹ thuật để ngăn ngừa xử lý ô nhiễm môi trường, kiểm tra thường xuyên việc thực hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm.

3.2. Giải pháp về nguồn lực thực hiện kế hoạch sử dụng đất

- Thực hiện đào tạo và nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý đất đai tại các xã và thị trấn để đáp ứng yêu cầu quản lý đất đai hiện nay.

- Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Triển khai có hiệu quả các giải pháp tạo nguồn thu, chống thất thu, tiết kiệm chi, chống thất thoát trong đầu tư xây dựng để tạo nguồn phục vụ cho đầu tư phát triển kinh tế địa phương.

- Vận động nhân dân góp vốn, xã hội hóa nguồn vốn để xây dựng các công trình dự án phục vụ cho mục đích công cộng, dân sinh như: giao thông nông thôn, thủy lợi nội đồng, các khu vui chơi giải trí công cộng và chỉnh trang các khu dân cư.

- Tăng cường xúc tiến đầu tư, giới thiệu tiềm năng đất đai của huyện để thu hút vốn đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và chế biến, thương mại, dịch vụ...

3.3. Giải pháp tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện kế hoạch sử dụng

đất

3.1.1. Giải pháp về tuyên truyền

Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện tổ chức công khai kế hoạch sử dụng đất năm 2023 tại UBND huyện và trên các phương tiện thông tin đại chúng, lồng ghép với các hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội, để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết kế hoạch, thực hiện đúng kế hoạch đã được duyệt.

3.1.2. Giải pháp về cơ chế, chính sách

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai, thực hiện kế hoạch sử dụng đất ở địa phương để có các giải pháp thực hiện tốt kế hoạch được phê duyệt.

- Xử lý nghiêm, đúng pháp luật những vi phạm trong quản lý, sử dụng đất và làm tổn hại đến môi trường.

- Vấn đề bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn huyện theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Ban hành ban hành quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

- Ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong kế hoạch năm 2023: Dự án tổ hợp sản xuất chế biến các sản phẩm nông nghiệp và chăn nuôi công nghệ cao; Nhu cầu của tổ chức, hộ gia đình chuyển mục đích sang đất nông nghiệp khác trên địa bàn xã và thị trấn.

- Thực hiện những chính sách ưu đãi những hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện bị thu hồi đất, hết đất sản xuất, phải chuyển đến ở tại các khu tái định cư, phải tốt hơn nơi ở cũ và hỗ trợ đào tạo nghề, ưu tiên thu hút vào làm việc tại các Dự án tổ hợp sản xuất chế biến các sản phẩm nông nghiệp và chăn nuôi công nghệ cao, các cơ sở sản xuất kinh doanh và chế biến trên địa bàn huyện.

3.1.3. Giải pháp về tổ chức thực hiện

- Trên cơ sở các các danh mục công trình thực hiện trong kỳ kế hoạch, xây dựng thành chỉ tiêu kế hoạch cụ thể cho từng địa bàn cấp xã; UBND huyện phân bổ kịp thời chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất cho các địa phương sau khi được phê duyệt và chỉ đạo các phòng ban phối hợp chặt chẽ thực hiện kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thông báo cho chủ đầu tư công trình, dự án (người sử dụng đất) thực hiện đầy đủ về trình tự thủ tục về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về đất đai. Giao đất kịp thời cho các chủ đầu tư để kịp thời triển khai thực hiện dự án.

- Giao phòng Tài chính - Kế hoạch bố trí nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện các công trình, dự án từ nguồn ngân sách huyện trong kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

- UBND các xã, thị trấn căn cứ theo kế hoạch sử dụng đất của huyện đã được duyệt, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất thuộc phạm vi ranh giới hành chính cấp mình, thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

- Cập nhật dữ liệu vào hệ thống thông tin quản lý đất đai tại cơ sở để giúp cho UBND các cấp, cơ quan Tài nguyên Môi trường làm tốt công tác quản lý, thực hiện và thực hiện kế hoạch sử dụng đất nhằm đảm bảo tính thống nhất, đúng tiến độ và đúng mục đích sử dụng đất được duyệt, khắc phục tình trạng “dự án treo”, sử dụng đất không hiệu quả; Kiên quyết thu hồi diện tích đất các dự án không sử dụng, chậm tiến độ, sử dụng sai mục đích theo đúng quy định của Luật Đất đai.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã được phê duyệt. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đất trồng lúa, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ chuyển sang sử dụng vào các mục đích khác không đúng kế hoạch; Kiên quyết không giải quyết giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất các trường hợp không có trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023.

3.2. Các giải pháp về quản lý hành chính

Không cấp phép đầu tư, giao cấp đất đối với những dự án, công trình không đăng ký trong kỳ kế hoạch.

Phòng tài nguyên môi trường trực tiếp tham mưu ủy ban huyện, xúc tiến và hướng dẫn chi tiết các thủ tục cho từng công trình, dự án trong kế hoạch, nhanh chóng thẩm định và tiến hành thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất, giao cấp đất ngay từ khi kế hoạch đã được phê duyệt.

Tăng cường việc kiểm tra tiến độ thực hiện kế hoạch sử dụng đất của các ngành, chuyển mục đích sử dụng tại các xã, đặc biệt là đất ở; kiểm tra tình hình sử dụng đất công. Có biện pháp chế tài xử lý cụ thể đối với các trường hợp cố tình chậm triển khai thực hiện hoặc sử dụng đất sai mục đích khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất.

Ban quản lý dự án phối hợp các phòng tài chính kế hoạch, Phòng tài nguyên xử lý, tháo gỡ các khó khăn về tài chính, vốn để tiến hành giao đất xây dựng công trình thuộc nguồn vốn ngân sách huyện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2023;

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

Các nhu cầu của các ban ngành, các lĩnh vực, các tổ chức, hộ gia đình cá nhân trong năm 2023; Được cập nhật đầy đủ quy mô diện tích và trong phạm vi ranh giới trên bản đồ quy hoạch sử dụng đất của huyện thời kỳ năm 2021-2030. Xác định diện tích đất cần thu hồi, các khu vực chuyển đổi mục đích sử dụng đất và giao đất, nhằm tăng hiệu quả quản lý sử dụng đất và bảo vệ môi trường. Quỹ đất của huyện trong năm 2023 về cơ bản được khai thác cân đối phù hợp.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 đã xác định được từng dự án, công trình trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất, chi tiết hiện trạng sử dụng các loại đất, cụ thể từng dự án trên bản đồ giải thửa và được trích lục ranh giới, vị trí, loại đất... Vì vậy, sẽ có nhiều thuận lợi trong quản lý đất đai, giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cập nhật biến động đất đai; tham mưu, đề xuất với các ngành, cấp trên.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ là cơ sở pháp lý để huyện thực hiện công tác quản lý Nhà nước về đất đai tại địa bàn từng xã, làm căn cứ để giao đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo pháp luật,... góp phần đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện trong năm 2023.

II. KIẾN NGHỊ

Để kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đắk Mil có tính khả thi cao, đồng thời hướng người sử dụng đất vào việc khai thác và sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý sử dụng đất và tạo cơ sở phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc sử dụng đất, UBND huyện Đắk Mil kiến nghị:

- UBND Tỉnh Đắk Nông xem xét, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Đắk Mil để Ủy ban nhân dân huyện có cơ sở thực hiện công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời có cơ sở để đầu tư xây dựng các công trình dự án phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

UBND huyện Đắk Mil kính trình UBND tỉnh Đắk Nông, Sở Tài nguyên & Môi trường sớm thẩm định phê duyệt nội dung kế hoạch để huyện có cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện kế hoạch sử dụng đất 2023.

**PHẦN PHỤ BIỂU VÀ VĂN BẢN PHÁP LÝ,
TRÍCH LỤC BẢN VẼ**